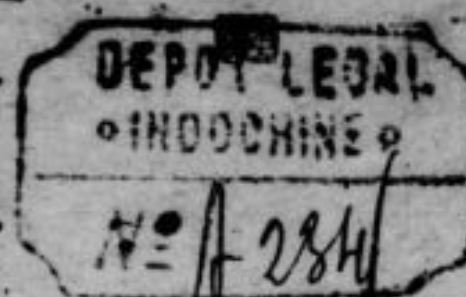


VĂN-HOC

*Dépôt légal
Tirage 1000 ex.
Le 18/10/33*

TẠP-CHÍ



l'Emp. et l'éditeur

CƠ QUAN CHUYÊN KHẢO CỨU, BÀN
ĐÀN, GIẢNG-GIẢI VỀ QUỐC-VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^{er} VÀ 15.

Revue littéraire paraissant le 1^{er} et le 15 de chaque mois

MỤC LỤC

1—Nghề văn sĩ	287
2—Thi thoại : Thơ nghèo và thơ ăn xin (nối và hết)	290
3—Đời vãi chương tằm sự của bà Bá tước Anna de Noailles	295
4—Chinh-phụ ngâm dịch ra Pháp văn (nối và hết)	298
5—Một tiếng cón con của Việt-Ngữ	304
6—Tiết phụ ngâm	306
7—Giới thiệu sách, báo	310
8—Tiếng nói và văn chương của người Thổ	312
9—Chú thích những áng văn cổ (Bài tự tình của ông Cao-bá-Nhạ)	319
10—Hoa lục kết nghĩa (Lịch sử tiểu thuyết)	325
11—Dịch Hán văn : Bài ký Hỉ vũ đình	331
12—Mũi tên độc (Tiểu thuyết đường rừng)	333
13—Những cỏ rác ở vườn văn	339
14—Dịch Pháp văn : Thơ gửi cho người bạn cũ	340
15—Tin tức trong làng văn	341
16—Truyện vui	342

CHỦ - BÚT Dương Bá Trạc — CHỦ - NHIỆM : Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông, 193

HANOI

Giá bán : một năm : 3\$00 — nửa năm : 1\$70 — mỗi số : 0\$15

MỜI XUẤT BẢN

Một quyển sách rất có ích cho các nhà buôn bán,
các nhà kỹ - nghệ, các nhà kế - toán,
các tư - gia và
các học - trò

CÔNG VIỆC NHÀ BĂNG

CỦA DƯƠNG TỰ NGUYÊN SOẠN

Trong có những mục :

1. Đại ý về nghề nhà băng. — 2. Phân biệt các nhà băng. —
3. Cách tổ-chức của các nhà băng ngày nay. — 4. Nhận
tiền của người khác gửi — 5. Cách dùng séc — 6. Cho
vay — 7. Giấy giao kèo đổi bạc — 8. Trả tiền hộ cho
người khác ở nơi xa — 9. Giấy tín nhậm để lĩnh tiền du
lich — 10. Giấy tín-nhậm để lĩnh tiền hàng — 11. Mua các
thương-phiếu — 12. Phát hành giấy bạc — 13. Đổi bạc các
nước — 14. Nhận mua và bán các trái phiếu và cổ phần. —
15. Nhận gửi các đồ quý trọng và cho thuê tủ sắt. — 16. Hỏi
hộ các tin tức — 17. Cách tính lãi — 18. Cách khấu lãi
các thương phiếu. — 19. Cách lập sổ lưu trữ hằng ngày —
20. Biều liệt kê những tiền các nước và biều tính lãi.

SÁCH DÀY 262 TRANG, ĐỒNG BÌA THẬT ĐẸP.

GIÁ \$ 1.20 CƯỚC GỬI \$ 0.25

Mua 1 quyển gửi mandat 1\$45 cho Đông - Tây ấn - quán
193, phố hàng Bông Hanoi

(Nếu gửi lĩnh hóa giao ngân (contre remboursement) thì
thêm 0\$15 tiền retour de mandat nữa).

Bán tại Đông-Tây Ấn Quán, 193, PHỐ HÀNG BÔNG, HÀ NỘI
Nam Tân, 84, BOULEVARD BONNAL, HAIPHONG

VĂN - HỌC TẬP - CHÍ

NGHỀ VĂN-SĨ

Ngay trước cũng như bây giờ, ở xã - hội Việt-Nam không bao giờ có nghề văn-sĩ thi sĩ cả.

Tuy trong tứ - dân có sĩ đứng đầu, nhưng người ta vẫn hiểu rằng sĩ đây là hạng người nhờ về học vấn mà «choán» được cái địa vị trong quan trường rồi sống bằng lương bổng của nhà nước, chứ không phải là những người học lực uyên-thâm, sinh-hoạt bằng cái nghề trứ-thư lập-ngôn.

Lê-qui-Đôn, Nguyễn-công-Trứ, Nguyễn-Du, Yên-Đồ đều là những bậc sĩ-hoạn, coi việc trị dân là việc cốt yếu, còn làm sách, làm thơ chỉ là việc phụ thuộc trong những khi nhàn hạ hay có hứng thú,

Những tác phẩm của các cụ chỉ truyền tụng lại ở trong đám bằng bối và con cháu, chứ không in thành sách, đem bán cho công chúng để lấy tiền.

Các cụ lập ngôn là theo đuổi một lý-tưởng cao khiết và cho bán văn buôn chữ là việc ti-tiện, không xứng đáng với một nhà học-giả.

Gần đây, mới có người in văn đem bán rao khắp phố phường. Những người thứ nhất đã làm cái nghề bán văn ấy có lẽ là các ông Đoàn như Khuê và Nguyễn Khắc Hiếu.

Nhưng :

« Năm mèo cho tờ nghĩ ra văn,
« In bán ra đời cách kiếm ăn ».

mà :

« Bao nhiêu cùi nước mới thành văn,
« Được bán văn ra chết mấy lần :
« Ông chủ nhà in in đã đắt !
« Lại ông hàng sách mấy mươi phân !
« Mười phân gửi bán lấy tiền sau,
« Bán hết thu tiền đợi cũng lâu.
« Lắm lúc túng tiền đem bán rẻ,
« Trừ đầu trừ cuối nghĩ càng đau.

cho nên :

« Nghèo chỉ có văn, văn lại ế,
.....

« Ra văn mà bán chẳng ra tiền,
« Cái nghiệp văn chương nghĩ thật phiền ?

Không phải là công chúng không hoan nghênh các nhà văn đó, nhưng cái công chúng ấy eo hẹp quá, thành thử cuốn thơ văn nào chạy nhất cũng phải mất rằm, sáu tháng, một năm mới tiêu thụ hết chừng hai ba nghìn quyển. Tuy giá sách đã tính gấp đôi gấp ba tiền in mà cái phần lợi thu về vẫn không đủ nuôi sống người sản ra văn. Ai làm nghề gì cũng mong sống về nghề ấy. Nay nghề đã không nuôi sống được người, thì nghề phát đạt thế nào được.

Cho nên trên kia tôi nói rằng ở nước mình không bao giờ có nghề văn-sĩ và thi-sĩ. Chỉ có những người sống bằng cái nghề chính của họ rồi vì thích văn họ lợi dụng những thời giờ nhàn rỗi — những thời giờ ấy cũng chẳng có nhiều — mà làm thơ, viết chuyện, đem in thành sách bán lấy tiền tiêu vào những cuộc giải trí.

Thành thử trong làng văn, chỉ có những tay tài tử mà không có những tay nhà nghề.

Đó là một sự trở ngại lớn cho công cuộc phát triển văn chương nước nhà. Vì không có những tay chuyên môn như vậy, cho nên « lăm sãi không ai đóng cửa chùa », trong khi ông này làm văn tả chân, thì ông kia viết văn lãng mạn, người la khó mà biết được cái đường tiến hóa của quốc-văn đi như thế nào.

Khi cái công phu đã chia rẽ ra thì cái kết quả tất phải kém cỏi.

Vì vậy, phải cần có những nhà văn chuyên nghiệp, những văn-sĩ sống bằng nghề của họ. Khi cái nghề văn đã nuôi sống được các văn-sĩ thì cái công phu phát triển quốc-văn sẽ có thể tập hợp lại, và những người thờ phụng quốc-văn sẽ theo đuổi một phương trâm trong cuộc tiến hành để tới đích.

Nhưng làm thế nào cho những văn-sĩ và thi-sĩ có thể sống bằng cái nghề của họ?

Đó là đề-mục một bài sau.

CHẮT HẰNG

THI THOAI

Thơ nghèo và thơ ăn xin

(Tiếp theo kỳ trước)

Lại nhớ, một hôm tôi lên Vĩnh-Yên thăm một ông bạn cũng nghèo cũng kiết, nhân đem những thơ văn nghèo của cô-nhân nói chuyện với nhau, nay lại được nghe một bài « Tổng Thần Cùng » của quan nghè Thụ Ích, phủ Vĩnh-Tường (Vĩnh Yên) thực lấy làm lý-thú. Nhân chép ra đây để hiến cùng các bạn làng văn-thơ, những ai muốn khảo-cổ.

Bài văn rằng :

Ới hỡi, hỡi nghèo ; — Lại đây, đây hỡi :
Ta với người xưa ; — Khen ai dặt mối.
Không sắt mà cầm ; — Không giây mà nối.
Đeo đuôi dốc lòng ; — Đi về quen lối.

Dù kiếp trước, hoặc là giàu là nghèo cũng mặc, chèo bọ đã thay mặt khác, thời địa ho cò gáy biết ai đâu ; — Sang kiếp này, từ hay ăn hay nói đến giờ, bọm già vẫn dẫn mình theo, để rộng sác vờ sơ khôn xiết nổi. Nhờ công dưỡng, lúc cau non ấp bẹ, mây sao mây xe hạc chi mau ; — Nhớ đức sinh, khi cây cả mát cảnh, mây sao tuyết thêm gương chi vội ?

Tháng tháng xui hồn ma gọi bệnh, chẳng xâm Cao-ly, thời quế Thanh-hóa, cao Ba-Long, nhưng bao-tử, ngang vàng chi của dễ xin ai ; — Ngày ngày xui thần khẩu kiếm ăn, hết thuốc Nam-Chân, thời cau Hồng Hải, chè Chính-Thái, rượu Cúc-Hoa, như ốc chi tiền đâu đúc mãi ?

Trông bề bạn toan viết thơ chu cấp, nơi mây bóc áo quần, nơi mây xo com gạo, khác lọ nhưng cùng một nước, cùng phường mây như một cốt một đồng ; — Trông anh em toan tính số phân phi, nơi mây lừa cờ bạc, nơi mây đủ rượu chè, đào mà khó uốn khúc lươn, bởi vì mây hóa ba chìm ba nổi.

Đã lừa nhau bán thày nhỏ dối miệng, giá văn chương
đắt rẻ mấy đồng công ; — Lại chêu nhau mua anh tú
nặng vai, tiếng khoa mục ít nhiều 'thêm chuốc tội.

Nhà nhân đứng toan khua trống lười, mày vác mình
tinh chạy trước, toan lát cạn bắt lấy, kén muốn dày,
nhưng ngày chẳng được lâu ; — Cửa rằng đầu muốn
gầy đàn mối, mày khua hiệu mõ theo sau, toan trông
đó ngó chài, bỏ phải đói nhờ ai mà được cỏi.

Cũng đã chán chê mê mối, đắp bồi đen cũng phường
mặt phấn, nhưng đường đi vẫn chẳng đường thông ; —
May thay tí cốc tình cò, toan pha son mượn sức má
đào, họa quả bĩ sui ra quả thái.

Dóm bếp chi hai con lợn giống, trông thấy một ăn
một nhón, những mong hai hóa bốn, bốn hóa tám,
mày vội mừng đem lễ tiễn quan Ôn ; — Trong buồng
chi một lúa tâm hoa, chải qua ba dẫy ba năm, chắc
rằng một mà mười, mười mà trăm, mày quá đến lại
ra chò thẳng Cuội.

Lúa bóng vang vừa khi vàng mắt, mày khẩn khira
ông mưa bà bão, một đêm mà béo lũ muông gầy ; —
Ngô bể em vừa thuở thâm râu, mày mỗi chài con nước
bắc sông, một chuyến đề no phường đĩa đói.

Bồ có tuổi, mày đủ dê nanh chuột, gió rét mưa dầm
mấy độ, đã thờ ơ như đất cạn thả lờ ; — Việc không
tên mày bởi chải lông lươn, giàu hao mỡ tổn bao phen,
vẫn chấp chênh như bàn chân đề muối.

Mặt ấy với mặt này đã vậy, ấy này cho phường mặt
phấn phải đen lây ; — Ngày nay so ngày trước khác gì
lần thần đề ngày xanh thêm quần lại.

Hay nước nọ cơm niêu, mày quen thói cũ, ăn
cây nào đào cây nấy để anh em vì mày nhạt nhẽo, làng
nước vì mày sa khơi ; — Hay chim mây cá nước, mày
có lòng nào, đứng núi nọ độ núi kia để cửa nhà vì
mày không dữ dìn, công việc vì mày không dở cỏi.

Mãi mãi hai mươi năm có lẽ, mày vẫn đeo bầu kết bạn, riêng thân nhĩ mục chỉ nhằm; — Thôi thôi trăm nghìn dặm bao xa, mày thời liệu nẻo tìm đường, kiếm bệnh cao hoang chi khỏi.

Vào những chốn non bằng nước nhược, bầu tiên không cấm đoán chi ai; — Vào những nơi gác kệ lầu kinh, cửa Phật có hẹp hòi đâu hời !

Hay là muốn chanh danh cho đẹp mặt, còn nhiều phượng đất với lân giới; — Hay là nghe con chữ mãi êm tai, nào thiếu ong lưng cùng hạc gối.

Can chi lẫn mãi đường quanh ; Mà để vật nhau đống sỏi.

Ráng khổ Thần Cùng, tổng mãi vườn không đi, mà còn « vin lý già » còn « khoe cao đạo », nên quan nghe lại làm lời Thần Cùng đáp lại :

Vội giận khéo thay ; — hãy nghe ta nói :

Ta nước Hữu - Cùng (1) — truyền đời nối dõi ;

Ngũ thế gia, thì Hứa Cơ-Son (2) Di Cô-Trúc (3), nửa nghìn năm đời Vương - giả (4) mới ra, — Chính đạo-thống (5) thời Tăng đoản kệ (6) Nhan đan-biểu (7) hai gã ấy của Thánh-Môn là dõi (8).

1) Nước Hữu-Cùng là chỗ sinh ra Hậu-Nghệ đời xưa. Đây mượn dùng làm dòng dõi sử sở anh nghèo.

2-3-4) Ngũ thế gia là nói về thế gia. Đây nói hai ông Hứa Do ở Cơ Sơn và ông Bá Di ở Cô Trúc, nghèo kiệt bản cùng. Cho đến cả các đời vương, giả xuất thế, cũng là một phường nghèo ; đó là cái giống dõi thần Cùng.

5) Chính đạo thống, là nói về đạo thống ngay. Đây Thần Cùng khoe cái đạo thống của mình là Chính đạo thống.

6-7-8) Thầy Tăng Tử và thầy Nhan Hời là hai người học trò lỗi lạc của đức Khổng Tử mà nghèo kiệt chỉ có cái áo cánh cộc mà đeo, một rổ cơm xương mà nuốt. Đó cũng là đạo thống của Thần Cùng vậy.

Mộ đạo thời thầy Hiến (9) không bệnh, ngựa quá lư, hồng nét mặt (9), bạn chơi ; — Cô danh thời ông Nguyệt dám kiêu, xe đương đạo, hắc đòi mây con nổi (10).

Ít nhiều mộ đạo, chủ Thông kia đồng núi không màng ; (11) — Đưa đón vô tình, cậu Thạch (12) nọ vàng hang cũng đầy.

Nhe giấy duyên tái thế, chót đã thề thề ước ước, tình một trước sau ; — Nặng gánh nghĩa năm đời, nhẽ đâu ở ở đi đi, gia hai sớm tối.

Ngày khác mùi hương chung đỉnh, có ta đây thời hoạn giá mới thanh hơn ; về sau nổi dỗi thi - thư, có ta đề nho-phong còn trắng mãi.

Hải xin lắng - lắng, câu hai câu một chi nghe ;
Hà tất vùng vằng, ngày tám ngày ba chi đuổi.

* *

Kể ra ông Thần Cùng thực có duyên với con nhà văn-tự. Chứ đến ngay như Đặng - Thông có núi đồng kia mà ông có thêm màng đâu ; Thạch - Sùng có tới hang vàng mà ông cũng dấy bỏ ; vì họ dốt nát, họ vô tình lắm kia !

9) Thầy Hiến là ông Nguyễn Hiến xưa kiết quá, phờ phạc cả người sanh sao cả mặt. Bạn ông hỏi rằng : bác mắc bệnh đó ư ? Ông đáp : tôi nghe nói đạo không làm được mới là bệnh, như tôi là nghèo đấy thôi, bệnh đâu ? Không bệnh !

Còn hồng nét mặt lấy ở tích thầy Tử Cống lúc đó ngựa xe rất sang, đi qua cửa, vì một câu hỏi thẹn đỏ mặt lui ra.

10) Con nổi đấy là Thái tử Kích sắp lên nối ngôi cha, một hôm đi ở ngoài đường, gặp cụ Điền tử Phương, vái chào cụ mà cụ chỉ gật đầu. Thái tử tức lắm hỏi rằng : giàu sang nên khinh người hay nghèo hèn nên khinh người ? Cụ liền cười mà rằng :

« Nghèo hèn mới khinh người được
chớ giàu sang khinh người sao được ».

Vì câu đó mà Thái Tử đen cả mặt, hắc cả mây.

11) Chú Thông là Đặng Thông.

12) Cậu Thạch là Thạch Sùng. — Hai người giàu sang còn tiếng mãi đến giờ.

Nhưng mà bây giờ đang hồi kinh - tế khó khăn này, ông Thần Cùng chẳng những quen thân với ít nhiều văn sĩ mà lan khắp ra cả quốc dân. Thử nhắm mắt lại mà tưởng tượng cái tình hình.

Có lần tôi đọc ở báo Tiếng-Dân thấy ba bài Trúc-Chi-Từ, cũng than về cảnh nghèo, mà lời thực thiết-tha, đến giờ tưởng chép ra đây cũng còn đúng với hiện tình một vài nơi :

*Thủy nạn, thiên tai kế tiếp nhau,
Đã rằng không gạo lại không rau.
Tấm thân đói rách đi lưu lạc,
Mà chẳng nhờ chi mấy kẻ giàu.*

* * *

*Kẻ giàu nó chẳng động lòng thương !
Nhân buổi nghèo nàn nó nghiêng xương.
Vay một ra hai mà chẳng được,
Thời đành bán ruộng với cầm nương.*

* * *

*Bán ruộng cầm nương rồi bán chi ?
Bán nhà bán cửa để mà đi.
Vào trong Lào Mọi làm thuê mượn,
Cam chịu đau lòng nỗi biệt ly !*

* * *

Thôi, « thơ nghèo, thơ ăn xin » cái tình cảnh của người nghèo mà nhất là của nhà văn kiết, đọc từng ấy tưởng đã nhiều. Trước khi ngừng bút, tôi giám xin phép mượn giọng cụ Thượng-Trứ chép nốt câu này :

« Trăm năm ai cũng một lần, giàu mà chi, nghèo mà chi, cha cóc !

. »

Tràng-Kiều LÊ-TÀI-PHÚNG

ĐỜI VĂN-CHƯƠNG TÂM-SỰ CỦA BÀ Bá-tước Anna de Noailles

(Tiếp theo kỳ trước và hết)

Ta xem cái thái-độ của nữ-thi-sĩ đối với cuộc nhân-sinh, tình kia cảnh nọ, nhiệt thành dường ấy, dẫu cho gỗ đá vô tình, cũng chẳng cảm lòng cho đâu, còn đâu giám phẩm-bình, đem lý-tưởng mà chen vào tâm sự được sao ? Một nhà văn-hào đã nói : « Nghệ thuật, mỹ-thuật chỉ đủ để làm một vài câu thơ cho khỏi thất-niệm mà thôi ; duy tâm sự người ta mới có thi-vị thi-tử vậy ». (*L'art ne fait que des vers ; le cœur seul est poète*). Tâm sự của bà de Noailles, dưới ngọn bút đa tình, tả ra đến nỗi người xem lời văn phải ngậm đắng nuốt cay, câu văn càng hay bao nhiêu, can tràng lại càng thêm bội phần đòi đoạn.

Bà viết ở trong tập « HI VỌNG MỚI » (*LA NOUVELLE ESPÉRANCE*) : « nói đến tương-lai làm gì, tương-lai làm gì có được : chỉ có, mà bao giờ cũng chỉ có hiện-tại mà thôi ». (*Il n'y a pas d'avenir, il n'y a que le présent, toujours le présent...*) « Người ta vui sướng cũng chỉ có một cách, ấy là làm cho đau đớn lòng mình. . . . Can tràng khi khai là cực-điểm của tình-dục. . . » (*Il n'y a qu'un plaisir, c'est ce qui fait mal. . . . L'héroïsme est la plus âpre sensualité...*)

Đó cũng là một bước phóng tâm, nhưng phóng tâm mà vẫn có vẻ thuần hậu. Xem tập « NGÀY VÌ TÌNH » (*LE VISAGE ÉMERVEILLÉ*) lại càng rõ rệt : « Ý thức, lương tâm, chỉ là một cơn buồn nó theo sau một sự hành vi của mình, mà sự hành vi ấy rất có thể mình lại làm nữa ». (*La conscience, c'est une tristesse qu'on éprouve après un acte qu'on vient de faire et qu'on referait encore*).

Đối với bà thì tình với lý, hai đẳng cùng có thể

dùng để mà biết đời là phù-sinh mộng-ảo được : « Đời còn có chi là sự thực, là hạnh-phúc, chỉ có thời gian như nước chảy đi không ngày trở lại, chỉ có những nỗi vẫn vương thương nhớ ngày một hao mòn trong ký ức ta ». (*Tout ment, il n'est pas de bonheur, seulement une fuite rapide du temps et des souvenirs qui s'usent*). Người ta đã hiểu đời lắm thì bao giờ cũng thương đời; thương đời lắm, hiểu đời lắm, thành ra chán đời, bà dần có đôi khi chán đời, nhưng cũng nhiều lúc đem gửi nguồn hi-vọng vào trong ái-tình, tuy bà đã hiểu thấu rằng « Đa tình thì đa lụy » (*L'Amour n'est ni joyeux ni tendre*), mà « cái nỗi nhớ thương mong đợi, hỏi tình thiên-cổ cũng không thừa ». (*Au fond, elle n'ignore pas que l'Amour n'assouvira point son éternelle attente*, R. Lalou).

Tuy vậy mặc dầu, trong tập « L'OMBRE DES JOURS » đối với nhân-gian, tình nhi-nữ bao giờ cũng nồng-nàn, mà lòng son không bao giờ phai lạt :

« Mai sau dù có bao giờ,
 « Sui người tri-kỷ ngâm thơ nào-nùng...
 « Ngồn-ngang trăm mối bên lòng,
 « Sẵn tay bẻ một chữ đồng làm đôi...
 « Yêu vẫn yêu lấy cả người,
 « Mê đời hồn-mộng, quên đời trần-ai ».

*Pour qu'un jeune homme alors, lisant ce que j'écris,
 Sentant par moi son cœur ému, troublé, surpris,
 Ayant tout oublié des épouses réelles,
 M'accueille dans son âme et me préfère à elles.*

Địa-vị của bà trong văn-giới nước Pháp, kể về hạng phụ-nữ, quan-trọng chẳng khác gì bà Huyện Thanh-Quan, bà Nguyễn-thị-Điễm và nàng Xuân-Hương trong văn-giới Việt-Nam.

Kể về cách làm thơ, thì văn của bà De Noailles rất là giản-dị, mà không phải là không bóng-bẩy, ý nghĩa

rất là phong-phú, chẳng khác gì văn dịch « *Chinh-Phụ-Ngâm* » của bà *Thị-Điễm* hay văn tức cảnh của bà *Thanh-Quan*.

Song về tính tình thơ, hồn lãng-mạn phóng-khoáng, đáng tặng bà cái tên cô « *Xuân-Hương* trong thi-dân *Pháp* ». Xem những đoạn thơ trích dịch tự đầu bài này, thì tư-tưởng của *De Noailles* với *Xuân-Hương* về sự sống, về sự chết, về tâm-sự tình-duyên, đại để giống nhau cả :

... « Năm canh lơ lửng chờ ai đó ?
Hay có tình - chung với nước non » ?
(VẤN NGUYỆT)

... « Nhìn xem phong-cảnh vui là thế,
Nỡ để tri-âm khách nhạt tèo ! »
(CẢNH THU)

... « Đẳng-đót ghê thay mùi tục - lụy,
Bực mình theo cuội tới cung mây ».
(NGƯỜI ĐỜI CHÓNG TÀN)

Thơ của *De Noailles* khác thơ *Xuân-Hương* một chút là nghiêm-trang hơn. Những tập thơ của bà rất có ích cho chị em ta đào dưỡng tính tình để giúp ích cho văn-chương nước nhà được.

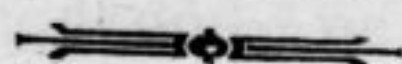
Tùng-Hoa ĐỖ THỨC-TRÂM



CHINH PHỤ NGÂM

DỊCH RA PHÁP VĂN

(Tiếp theo số 21 và hết)



581. — Bóng kỳ sỹ giã ngoài quan-ải,
Tiếng khải-ca trở lại Thần-kinh.
Đỉnh non bia đá đề danh,
Triều thiên vào trước cung đình dâng công.
585. — Nước duềnh Hán viết đồng rửa sạch,
Khúc nhạc từ giáo giắt tiếng khen.
Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền,
Tên ghi gác khải, tượng truyền đài Lân.
589. — Nền huân tướng đại cân rạng vẻ,
Chữ đồng huy bia đề nghìn đông.
Ơn trên tử ấm, thê phong,
Hiển vinh thiếp cũng đượm chung hương trời.

L'ombre des drapeaux de guerre s'éloignera des régions frontières et le son des chants de victoire se rapprochera de la capitale. Votre nom sera gravé sur une stèle au sommet d'une montagne. Vous serez reçu en audience solennelle, et, dans la cour du Palais royal, vous déposerez les trophées de votre victoire.

Les armes, devenues inutiles, seront lavées proprement. Des morceaux de musique vibreront pour chanter votre gloire. Votre talent sera comparable à celui des grands généraux d'autrefois, Tần et Hoắc. Votre nom sera inscrit dans le « Pavillon de la Fumée », et votre portrait, suspendu dans le « Palais de la Licorne ». Vous recevrez les insignes éclatants des officiers méritants. On élèvera une stèle pour commémorer jusqu'à mille ans la « Joie commune » de la victoire.

Grâce à la faveur royale, vos enfants obtiendront des titres honorifiques et votre épouse se verra décerner des dignités. Ainsi je participerai avec vous aux honneurs dont vous comblera la générosité royale.

PLAINTES DE LA FEMME D'UN GUERRIER

Poème populaire annamite

Traduction littérale et interprétation française

PAR UYÊN-TOÀN

(Suite et fin)

581. — (L')ombre (des) drapeaux (de) guerre quittera les régions frontières [lit : portes frontières (et) cols].

(Le) son (des) chants (de) victoire se rapprochera [lit : rentrera, retournera] (de la) capitale sacrée.

(Au) sommet (d'une) montagne, (sur une) stèle (de) pierre, (sera) inscrit (votre) nom.

(Au cours d'une) audience céleste (vous) entrez (dans la) cour (du) palais (pour) offrir (vos) trophées.

585. — (Dans l'eau (du) Fleuve Hán (1), (les) armes de guerre (seront) lavées proprement

(Des) morceaux (de) musique vibreront (pour faire votre) éloge.

(Votre) talent (sera) comparable (à celui de) Tân (et de) Hoắc (2), complètement.

(Votre) nom (sera) inscrit (dans le) Pavillon (de la) Fumée (3) (et votre) image se perpétuera (dans le) Palais (de la) Licorne (4).

589. — (D'un) officier méritant, (vous aurez les) insignes [lit : la ceinture et le turban] éclatants ;

(Les) caractères « Joie commune » (seront gravés sur une) stèle (qui sera) transmise (jusqu'à) mille ans [lit : hivers].

(Grâce à la) faveur d'En haut, (vos) enfants (auront des) titres honorifiques (et votre) femme (recevra des) dignités :

(Avec ces) honneurs, je (serai) également pénétrée avec (vous du) Parfum céleste (faveur royale).

1) Il s'agit du « Fleuve d'Argent », nom poétique sous lequel les Chinois désignent la Voie Lactée.

2) Nom de deux généraux chinois.

3) Nom d'un pavillon à étage construit par l'Empereur Thái-Tôn des Đường dans lequel il fit faire le portrait des mandarins méritants.

4) Nom d'un palais construit par l'Empereur Tuyên - Đế des Hán pour la même destination.

593. — Thiếp chẳng đại như người Tô-phụ,
 Chàng hẳn (chắc) không như lũ Lạc-dương (1).
 Khi về đeo quả ấn vàng,
 Trên khung cửu dăm dấy duồng làm cao.

597. — Xin vì chàng xếp bào, cởi giáp,
 Xin vì chàng dũ lớp phong sương.
 Vì chàng tay chuốc (2) chén vàng,
 Vì chàng điếm phần, đeo bương nảo nùng.

600. — Dở (mở) khăn lệ chàng trông từng tấm,
 Đọc thơ sầu chàng thẩm từng câu,
 Câu vui đối với câu sầu,
 Rượu khà cùng kẻ trước sau mọi lời.

Je ne serai pas aussi solte que la femme de Tô-Tân d'autrefois Et vous ne serez pas comme les gens de Lạc-Dương. Si, au moment de votre retour, vous emportez le sceau d'or, je n'oserai pas, sur le métier à tisser, me montrer boudeuse et fière. Je m'empresserai de plier votre habit et d'enlever votre armure ; je me hâterai de débarrasser vos vêtements de la couche de rosée qui les recouvrira. Je verserai pour vous du vin dans une tasse d'or ; je m'embellirai pour vous faire plaisir. J'ouvrirai le mouchoir encore mouillé de mes larmes, je lirai des poésies pleines de tristesse pour que vous soyez pénétré de ma douleur. Alors des vers joyeux répondront aux vers tristes d'antan, et tous les deux légèrement enivrés, nous nous raconterons les histoires de Notre cœur.

1) Trong bản *Chinh phụ ngâm* có câu này là bà Đoàn-thị-Điểm dịch sai nguyên văn chữ nho. Nguyên văn là : 君亦洛陽好男兒 nghĩa là : Chàng cũng là bậc con trai giỏi ở đất Lạc-Dương, Lạc-Dương là quê của Tô-Tân. Vậy câu ấy có ý nói là người chồng cũng có ngày làm nên công danh như Tô-Tân ngày xưa.

2) Các bản quốc-ngữ đều chép là *chúc* nhưng chữ « chúc » ở đây không có nghĩa ; « *chuốc chén vàng* » đây là rót rượu vào chén vàng. Vả chăng bên nguyên văn chữ nho là : 捧露卮 nghĩa là chuốc chén rượu lộ chi.

593. — Je ne (serai) pas sotte comme (la) femme (de) Tô (1), vous certainement ne (serez) pas comme (la) bande (de) Lạc-Dương.

(Au) moment (de votre) retour, (vous aurez), suspendu (à) vos côtés (le) sceau (en) or ;

Sur (le) métier à tisser, oserai- (je me montrer) boudeuse (et) fière ?

597. — (Je) demanderai, pour vous, (à) plier (votre) habit (et à) enlever (votre) armure ;

(Je) demanderai, pour vous, (à) débarrasser (la) couche (de) rosée (qui recouvrira vos vêtements).

Pour vous, (ma) main versera (du vin dans une) tasse (d)or ;

Pour vous, (je) mettrai (du) fard, (je) porterai (des) parfums pénétrants.

600. — J' ouvrirai (le) mouchoir (mouillé de) larmes (2) (pour) vous (faire) voir chaque pièce ;

(Je) lirai (des) poésies tristes (pour que) vous (soyez) pénétré (de la douleur exprimée dans) chaque vers.

(Des) vers joyeux répondront (alors) aux vers tristes ;

Légèrement enivrés, ensemble, (nous nous) raconterons, (du) commencement (jusqu'à la) fin, toutes (les) histoires [lit : paroles]

(1) Il s'agit de la femme de Tô-Tân. Quand celui-ci était encore humble, elle le méprisait et ne daignait pas quitter son métier à tisser pour lui servir à manger chaque fois qu'il rentrait. Plus tard, Tô-Tân étant devenu ministre, sa femme le respecta, et lui obéit ponctuellement.

(2) Il s'agit du mouchoir avec lequel la femme du guerrier a essuyé ses larmes.

604. — Sẽ rót với lần lần từng chén,
 Sẽ ca dần dần đến từng thiên.
 Liên ngâm, đối ẩm đòi phen,
 Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.

608. — Cho bỏ lúc xa sầu cách nhớ,
 Giữ gìn nhau vui thưở thanh ninh (bình).
 Ngâm nga mộng gửi chữ tình,
 Nhường này âu hãn tài lành trượng-phu (1).

CHUNG

Pour vous, je verserai, l'une après l'autre, des tasses de vin ; pour vous, je chanterai doucement des strophes. Tour à tour, nous déclamerons des vers ; face à face, nous boirons du vin. Et ensemble, nous jouirons du bonheur de l'union jusqu'à la vieillesse. Cela compensera les moments où, éloignés l'un de l'autre, nous avons éprouvé les tristesses de la séparation. Nous nous aimerons et nous jouirons ensemble de la joie dans la paix.

Je scande ces vers dans l'espoir de vous montrer toute l'affection de mon cœur, et je termine par cette exhortation : « Ainsi doit se comporter un homme de valeur ! »

FIN

(1) Hai câu cuối cùng này vừa tối nghĩa vừa sai ý nguyên văn chữ nho. Nguyên văn là : 若然此後妾何淚。相會相期相寄言。嗟乎丈夫當如是。 nghĩa là : Nếu vậy thì từ đó về sau, thiếp việc gì mà khóc. Cùng hợp nhau, cùng hẹn nhau, cùng gửi câu nói : « Than ôi ! bậc Trượng-phu phải như thế » (câu sau này là câu ông Bái-Công, (tức sau là Hán Cao-tổ) nói, khi gặp vua Tần Thủy-Hoàng đi chơi.

604. — Alors (je) verserai à moitié, l'une après l'autre :
des tasses (de vin) ;

Alors (je) chanterai au fur et à mesure, doucement, des strophes [*lit.* chapitres].

Tour à tour, (nous) déclamerons (des vers) ; face à face, nous boirons (du vin) bien des fois.

Avec vous, de nouveau, (je) noue (le) fil d'hyménée jusqu'à (la) vieillesse.

608. — Pour compenser (les) moments (où nous avons éprouvé les) tristesses (de l') éloignement (et les) douleurs (de la) séparation.

(Nous) nous protégerons mutuellement (pour jouir de la) joie (à l') époque (de la) paix.

(Je) scande (ces vers dans l') espoir (de vous) envoyer (le) caractère « Amour ».

Ainsi doit-être (le) bon talent (d'un) homme de valeur.

FIN

Cùng các độc-giả chưa trả tiền báo

Bản chí vừa cho soát sổ lại thấy có một số nhiều độc giả mua báo đã lâu mà chưa gửi trả tiền. Tuy bản chí đã có nhắc nhiều lần ở ngoài bìa báo mà các Ngài cũng quên không trả, lấy cớ rằng ở xa nhà giấy thép chưa tiện mua mandat, nhưng bản chí vườn thường nói : các Ngài cứ gửi bằng timbres postes cũng được. Vậy xin các Ngài kíp gửi về trả ngay cho dễ tiện việc sổ sách.

Mong lắm !

V. H. T. C.

Một tiếng còn con của Việt-Ngữ



Tiếng Pháp là một tiếng rất có phép-tắc trên hoàn-câu, chữ dùng rất tinh tường, câu đặt rất chỉnh-đốn. Vậy mà xem một vài thứ báo, thường thấy các nhà ngôn-luận còn bút-chiến nhau về một chữ rất tầm-thường trong ngôn-ngữ hoặc về một thể câu (tournure) không gầy gọn. Huống chi tiếng Việt ta là một tiếng bầy còn phôi-thai, mới xếp đặt cho có thứ-tự được mười năm nay, mà hãy còn chưa đâu ra đâu cả.

Vậy ta cũng nên xem trong tiếng ta có những tiếng nào ý-nghĩa bí-hiếm mình chưa biết hoặc mình đã khám-phá ra được, thì viết lên báo-trương để chất-vấn cùng quốc-dân.

Trong bài «Nhắc lại việc soạn Việt-Nam tự-diện» của tôi đăng trong Văn-Học số 23, tôi có nói về chữ «cái» Nhân tôi suy chữ «Bố-cái đại-vương» và câu tục-ngữ «Con đại cái mang», tôi chỉ cho chữ «cái» là mẹ và tôi cho những câu «Bồng con bế cái nhau đi» và «Con cái người nghiện rượu yếu ớt» là vô-lý.

Gửi bài ấy đăng được ít lâu rồi, tôi có tiếp một bạn, bạn đã cắt nghĩa được chữ «chầu» (1) trong câu Kiều:

Rằng vàng lệnh-chỉ rước chầu vu quy,

và đã dùng tiếng ấy vào trong một thiên sử-ký tiểu-thuyết hiện bây giờ đương đăng trong một tuần-báo Hà-thành. Bạn nói rằng: «Chữ cái» có hai nghĩa: một nghĩa là mẹ (như trên đã nói)...; một nghĩa là con gái. Người ta nói «con cái» thì «con» là con trai, «cái» là con gái. Còn người ta dùng «cái» để chỉ đồ

(1) Tiếng cổ dùng để chỉ người sang trọng cũng như tiếng «ngài» (theo Nhật-Tân).

vật (cái bát, cái nồi) là chữ mượn » .. Tôi chịu rằng phải.

Sau tôi lại suy thêm rằng không những người ta dùng « cái » để chỉ đồ vật, người ta lại còn dùng « con » nữa (con quay, con tinh, con khăng).

Tôi lại nghĩ rộng ra một chút nữa rằng: cổ-thời ở nước nào cũng vậy, rất cầu-thả về ngôn-ngữ, cho nên bây giờ còn sót lại những tiếng dùng vào người tôn thì hóa ra tôn, dùng vào vật ty thì hóa ra ty. Trong tiếng Pháp, chữ « tu » chữ « toi » chẳng dùng để chỉ một người đáng khinh-bĩ hoặc một ông, bà, cha, mẹ hay một người thân-mật là gì? Có khi hai chữ ấy dùng để chỉ đấng chi-tôn là đấng thần minh nữa. Trong chữ nho có chữ « tử » là con, không những chỉ con trai, con gái, (nam-tử, nữ-tử) mà thôi, lại còn chỉ những họet như « túc tử » (hột thóc), chỉ những quả như « chi tử » (quả dành dành), chỉ đồ-vật như « toán-tử » con tinh), « đẳng tử » (cái cân vàng bạc), chỉ người bằng vai : « ngô tử » chỉ tổ tiên : « tên tử », chỉ ông thánh ông hiền như Khổng-tử, Mạnh-tử, Trang - tử, lại chỉ cả thằng xỏ xiên đều rả nữa, như trong câu « Nà Sở khanh nãi thiên hạ đệ nhất cá bạc tinh tử ». (Sở khanh kia là thằng bạc tình thứ nhất thiên hạ).

Xem đó thì biết một tiếng cỏn con cũng không nên khinh thường. Một bộ Việt-Nam tự điển với một quyển « Mẹo tiếng Việt - Nam » muốn cho hoàn toàn thì cũng cần phải nghiên cứu lâu nữa mới xong. Muốn cho hai tập ấy chóng thành thì hết cả mọi người có trí thức trong nước đều nên giúp vào một tay mới được.

BÙI-TIẾN-RĨNH

Vì một lẽ riêng, bài « một lối văn xuôi dầy thi-vị » của TRẦN - KIỀU kỳ sau mới đăng.

TIẾT-PHỤ NGÂM

LÊ-KẾ-XUÂN

(Tiếp theo kỳ trước)

Sân tùng cúc một màu thanh sai,
Bụi đẳng la mấy dãy non xanh,
Mắt trông cảnh cũng gợi tình :
Kìa cây liên lý, nọ cảnh tương tư (1) !
Miền bắc lý trống cờ rây đất ;
Chốn đông-lân mùa hát huyền thiên :
Tai nghe, ai khéo khước phiên :
Giọng ca sa-mạc, nhịp đờn nam-ai !
Trầy hồng-đậu (2) xong rồi sinh tử :
Hái lục-tang (3) nghĩ lại thêm rầu !
Nghiep nhà nông phổ làm đầu,
Nào hay cảm vật mà đau khúc vàng !
Giòng nước biếc sắc đường gợn biệt ;
Đá non xanh dáng hệt trông chồng (4) :
Những nghe sơn thủy ngời lòng,
Ai hay xúc cảnh nổi giòng hạt châu !

1) Vua nhà Tống cướp vợ người Hán-Bằng là Hà-thị. Bằng tự vẫn, Hà-thị lên đền, nhào mình xuống mà chết. Có viết trong thân áo xin cho xác hợp táng với Bằng. Vua tức mình, sai người chôn hai mộ cách nhau. Sau có cây văn-tử mọc ở khoảng giữa hai mộ, thân cành ôm ấp liên lạc với nhau, rễ cũng trứu trít nhau. Người nước Tống thương xót, gọi là cây tương-tư : Đây là tá dụng.

2) Hồng đậu là hột đậu đỏ, biệt danh là tương - tư tử.

3) Nàng La-Phụ hái dâu, Triệu-vương trông thấy đẹp lòng, đặt tiệc vời nàng. Nàng gảy đàn tranh, làm bài ca Mịch-thượng-tang mà hát ; Vua cảm động không ép nữa.

4) Xưa có người đàn bà đứng trông chồng, hóa làm đá, người ta đặt tên là đá Vọng-phụ.

Người thấy vật thêm âu thêm rồi !
 Vật đối người như gọi như trêu !
 Bướm, chim, sao chẳng biết đều ;
 Nhớn như đối vũ (1), dập dìu song phi !
 Tình bởi cảnh ủ ê, buồn bã ;
 Cảnh vì tình rời rã, tiêu điều !
 Cỏ, hoa e cũng biết chiều :
 Lục xe chỉ thăm, hồng thêu bức sầu !
 Sớm vắng vắng chuông chùa cách núi,
 Chiều xôn xao chim vội về rừng ;
 Giọng trào sôi nổi biển bằng ;
 Ngày nào ngày cũng băng khuâng mỗi phiên !
 Tối lấp loáng bóng đèn trước án,
 Sáng ngấp ngòa gành Hán ngang màn ;
 Tiếng gà xao xác tàn canh ;
 Đêm nào đêm cũng buồn thao nỗi mình !
 Khách cung oán chút tình thương cảm,
 Chẳng qua vì một đám vinh quang ;
 Vinh quang thiếp vẫn không màng,
 Nặng vì chút nghĩa cũ càng mà đau !
 Phụng chinh phụ giọt châu đứt nối,
 Chẳng qua vì một nỗi sinh ly ;
 Sinh ly người có khi về,
 Xót vì vĩnh biệt hết kỳ gặp hoa !
 Toan mượn thú tửu trà tiêu khiển,
 Rượu thêm phiền chè vẫn không khuấy ;
 Rầu rầu dạo bước hiên tây :
 Tường rêu vằng vẻ, tiếng chày lừng lơ ;
 Toan mượn thú cầm thư thích ý,
 Đờn nguyệt tay, sách dễ kêu lòng ;
 Chần chần ngồi tựa phòng không :
 Ngọn đèn dọi vách, con trùng kêu trắng !

1) Ở nhà quê thỉnh thoảng thấy đôi bướm cùng bay hình như đối nhau mà múa.

Khi bên ghế mơ màng huyền tưởng,
 Tưởng thấy chàng lai láng buồng hương;
 Trải qua một cảnh hoang đường,
 Buồng hương đây đã biến sang cõi tình!
 Khi trên gối thỉnh linh giấc mộng,
 Mộng gặp chàng ở động non Bồng;
 Trải qua một cuộc hư không,
 Non Bồng kia cũng nằm trong thành sầu.
 Những lần lửa bốn mùa thay đổi,
 Biết khi nào mòn mỏi tấc son!
 Oanh qua, ve lại gọi hồn,
 Huỳnh soi mặt ủ, dễ dờn lòng đau!
 Nào đôi én đậu kêu mái giậu!
 Nào chiếc nhạn bay dạo bên mây;
 Vỗ vàng ngồi rũ song tây,
 Nghe chim, chim tựa rứt giây đoạn-trường!
 Những ngong ngổ bốn phương thăm lặng,
 Biết nơi nào thấy đặng xe mây!
 Thỏ đông, ác liệng về tây,
 Chuôi quay Bắc-đầu, vẽ xây Nam-tào!
 Kia Ngưu, Nữ một cầu cách nhịp!
 Kia Sâm, Thương vạn kiếp chia bai;
 Thần thờ đứng lặng canh dài,
 Trông sao, sao cũng nổi bài ly-ưu (1)!
 Thiếp vừa mới mái đầu dóc tóc,
 Chàng cũng đương giữa lúc xuân xanh;
 Thiếu niên nào có tội tình,
 Kia ai nữ để đôi mình xót xa!
 Đem hỏi đất, đất đà im lặng:
 Vạch kêu trời, trời những làm thính!
 Càn-khôn một đám vô tình,
 Mặc người đắm đuối giữa vành hồng-mông!
 Chàng vẫn kẻ đam lòng kinh sử,
 Thiếp cũng từng nếm chữ luân-thường;

1) Ly-ưu nghĩa là lo-sầu về sự biệt ly.

Đạo ta nào phải bắt lương,
 Cớ sao đến nỗi trăm đường thiết-tha ?
 Bày cùng núi, núi đà đứng vững !
 Ngổ cùng sông, sông những nằm sì !
 Giang sơn một giống vô tri,
 Riêng người đau đớn vì thi bạch-đầu (1) !
 Gấm thân phận vì đâu nên nỗi ?
 Phần nhớ chồng, phần lại thương con !
 Phần thời chiếc bóng thân hôn ;
 Cực lòng tinh-vệ (2), tan hồn đậu quyền !
 Càng nghĩ mãi lửa phiền càng đốt,
 Cớ gì không đứt ruột tiêu-lân ?
 Báo đền vì chút ái-ân,
 Đỗ giả nuôi trẻ gian tân giám từ.
 Gương thiên cổ hiểu từ còn đó,
 Nỡ lòng nào tham đỏ bỏ xanh.
 Nỡ nào dứt nghĩa quên tình,
 Đem thân chìm nổi trong vành trần duyên.
 Cõi phù thế, tang điền thương hải,
 Sớm nắng choang chiều lại mưa ngâu ;
 Hình thương cầu, bóng bạch-câu,
 Thịnh suy, trò rồi ; dinh thâu, cuộc cờ.
 Cửa Vương Tà đón đưa xe ngựa ;
 Phủ Mạch Tần rực rỡ phong quang (3),
 Sang giàu chốc hóa thê lương.
 Chẳng qua một giấc kê vàng khác đâu !

(còn nữa)

-
- 1) Bà Văn-quân làm bài thơ Bạch-đầu-ngâm. Có câu : Nguyên
 đắc nhất tâm nhân, bạch thủ bất tương li.
 2) Chim tinh-vệ thường tha đá Tây-sơn để lấp bể Đông-hải,
 3) Mạch-quốc và Tần-quốc là chị bà Dương-phi đời Đường.
 quyền thế hách dịch, phủ đệ xa hoa.



Giới thiệu sách, báo

1° — Hán-Việt thành-ngữ
(*Lexique d'expressions sino-annamites usuelles*). BỬU-CÂN soạn. — Tựa của cụ Phạm-Quỳnh, thượng-thư bộ Quốc-gia giáo dục. Giá 3\$30.

Trong quốc-văn mà ngay trong tiếng nói thường của ta bây giờ, ai cũng biết rằng có nhiều tiếng gốc ở chữ nho mà ra, hoặc tiếng đơn, hoặc thành-ngữ. Bởi vậy, muốn viết văn ta hoặc xem hiểu văn thơ của các cụ, phải biết rõ nghĩa các tiếng đơn hoặc thành-ngữ gốc ở chữ nho ấy. Nếu không, thì xem văn của người khác viết không hiểu rõ, mà mình viết văn hoặc nói chuyện, nhiều khi dùng sai. Nhưng muốn hiểu rõ nghĩa các chữ ấy, phải có sách mà tra-cứu. Ông BỬU-CÂN cũng vì các nhẽ kể trên, mới soạn thành cuốn « Hán-Việt thành-ngữ » này, trong ông lựa chọn được 13 000 thành-ngữ đã nhập-tích tiếng ta và thường dùng trong văn tá ; mỗi thành-ngữ có viết chữ nho bên cạnh, dịch ra chữ Pháp và dẫn một câu thí dụ thường là trích ở các thơ văn sách vở cổ hoặc kim. Các thành-ngữ đều sắp theo thứ tự các chữ cái văn quốc-ngữ để tiện việc tra tìm.

Cuốn sách này rất có ích cho các bạn thiếu-niên tân-học ngày nay muốn học thêm quốc-văn, muốn hiểu rõ các bài vở viết trong báo chí hoặc các thơ văn của các cụ ngày xưa. Vậy bản-quản xin có lời khen tác-giả đã làm được một cuốn sách có ích và vui lòng giới-thiệu cuốn ấy cùng các độc-giả.

2° — Thiên văn thường thức. — Thomas Trứ soạn. Sách dạy cho biết những điều thường thức về trái đất ta ở, bầu trời, mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao cùng những

việc thường thấy trong trời đất, khổ sách 19×24, 120 trang, in tại nhà in Qui-nhơn. Giá bán 0\$25

Người Sơn-nhân. — Lưu-trọng-Lư soạn. Quyền này gồm có ba chuyện : người sơn-nhân, con chim sỏ lông, — ly tạo tuyệt vọng và phụ thêm một tập thơ mới. Sách in đẹp ; dày 67 trang — Giá bán 0\$30.

Hoàn cầu tân văn — Tuần báo xuất bản ngày thứ năm do ông Nguyễn-hảo-Vĩnh làm tổng lý, ông Trương-quan-Ngọc làm chủ-bút, nói đủ cả về : thể thao, vệ sinh, khoa học, văn chương, v. v. — Tòa báo ở 60, phố Bonard Saigon. Giá báo : một năm 3\$00 — sáu tháng 1\$60. — Mỗi số 0\$06.

Sài-Thành họa báo. — Tuần báo ra ngày thứ bảy do ông Trần-văn-Quang và Khánh-Ký làm chủ-nhiệm. ông Đào thao-Vỹ làm quản-lý — Báo quán ở số 96, đường Mac-Mahon Saigon — Giá báo : một năm 2\$80. — Sáu tháng 1\$50 — Mỗi số 0\$05.

Thanh niên — Báo xuất bản ngày thứ ba và thứ sáu do ông Ngạc văn-Đồng làm chủ-nhiệm — Số đầu xuất bản ngày 6 Octobre 1933 — Báo này là cơ quan ngôn luận của quốc dân — Tòa báo ở số 46, phố Vieille des Tasses Hanoi — Giá báo : 1 năm 4\$50 — 6 tháng 2\$50. 3 tháng 1\$50 — mỗi số 0\$03.

Revue de l'enseignement primaire et primaire supérieur franco-indigène. — Báo này viết bằng chữ Pháp xuất bản mỗi tháng hai kỳ do ông NGUYỄN-LY-ĐỨC làm chủ nhiệm. Tòa báo ở số 24, phố Amiral Courbet Hanoi. — Giá mua một năm 1\$00 — Mỗi số 0\$05.

Bản-chí xin có lời mừng các bạn và chúc các bạn được trường thọ.

TIẾNG NÓI VÀ VĂN - CHƯƠNG CỦA NGƯỜI THỔ

Bản-chí tiếp được của ông NGUYỄN-VĂN-HUYỀN giáo-học tại Chiêm-Hóa gửi cho bản thảo một quyển **Chiêm-Châu phong tục ký**, xem ra ông Huyền đã khảo cứu công phu thực là một quyển sách rất có giá trị, tiếc rằng phạm vi của bản-chí không thể in được toàn tập nên chỉ xin trích đăng một đoạn nói về *tiếng nói và văn chương của người Thổ* để các đọc-giả thưởng thức :

X

Theo ý kiến các nhà bác ngữ học Thái-tây, thì các thứ tiếng ở Viễn-đông này đều có nguồn gốc ở « Âu-Ấn-Ngữ » (langue indo-européenne) Tiếng Thổ cũng vậy, tuy hiện nay là một thứ tử-ngữ (langue morte) song không phải là không ở tiếng ấy mà ra vì người Thổ cũng là một giống trong các giống người khi xưa từ vùng Iran, Thibet mà tràn xuống cõi Á-đông lập ra các nước Trung Hoa, Ấn-Độ, Nhật-Bản v. v. hay sang phía tây mà lập ra các nước Âu-Châu bây giờ. Cứ suy một lẽ sau này thời cũng đủ tin lời luận ấy :

Ta gọi « bánh », tây gọi « pain », tàu gọi « ping » mà người Thổ đây gọi « pêng » có phải là âm-điệu hơi giống nhau không. Chữ « cha, mẹ » thì ở chữ latin là « pater, mater », tây gọi « père, mère », tàu gọi « pá, má » mà người thổ đây gọi là « po, me ». Cũng còn nhiều tiếng giống âm, giống nghĩa như thế không kể xiết được.

Tiếng Thổ là một thứ tiếng rất nghèo, gọi là một thứ tử-ngữ không phải là nói ngoa. Vả chẳng một dân tộc không đủ tư cách đua tranh với một dân tộc khác thì văn hóa, lễ nghi, phong tục, về phương diện nào mặc dầu không chịu cái lẽ thiên nhiên đào thải ? Người Thổ ở Thượng-du Bắc-Kỳ, miền nam thì có người Việt Nam, miền Bắc có người Tàu là hai dân-tộc có tiếng nói tinh vi, lẽ tất nhiên phải chịu cái luật « ưu thắng, liệt bại » mà không sao bành trướng ra được. Đó là một lẽ. Lẽ thứ hai là người Thổ trình độ văn minh còn

kém cả phương diện tinh thần lẫn vật chất. Theo ý các nhà triết học thì tiếng nói chỉ là những điều « hẹn-ước » (convention). Thí dụ như tiếng « bát » để chỉ một đồ vật bằng sành, bằng xứ hay bằng gỗ, vân vân. dùng để đựng thức ăn, thời hình như những người trong một chủng loại ấy đã tự nhiên hẹn ước với nhau mà gọi cái đồ vật ấy là một cái « bát ». Những người ở chủng loại khác thời lại lấy một tiếng khác mà « ước hẹn » với nhau để gọi cái đồ vật ấy. Suy một lẽ đó, ta có thể hiểu một dân tộc nào phong phú, thời tiếng nói của dân tộc ấy cũng phong phú, vì tiếng nói mà một ngày một phong phú thêm ra là nhờ ở sự tiến bộ về văn-minh học-thuật. Cũng như ta ngày nay có tiếng « ga » để chỉ nhà « gare » mà cách đây năm sáu mươi năm đã làm gì biết tới. Vì nhờ sự mới có nhà « gare » ấy, nên tiếng nói mới thêm ra được một tiếng. Những tiếng « vô-tuyến điện, triết học, tâm lý học, xã hội, cấp tiến, vân, vân, mới « nhập tịch » vào tiếng ta được ít lâu nay. Tiếng Thổ cũng vậy, ở gần người Tàu thời mượn thêm tiếng của người Tàu, ở gần ta thời mượn tiếng ta. Vì cách sinh hoạt dẫn dụ nên những tiếng dùng để chỉ đồ vật cũng còn hiếm thay, huống chi những danh từ dùng để diễn đạt những tư tưởng trừu tượng (idées abstraites). Còn nói tiếng Thổ là một thứ tử-ngữ vì người Thổ không lập được một nước riêng cho mình, nên người trên thế giới không ai biết tới vậy.

Tuy vậy tiếng Thổ không phải là không có văn-chương. Nói tiếng Thổ nghèo thời đúng chứ nói tiếng Thổ không có văn chương thời thực là quá đáng vậy. Đã là một thứ tiếng nói riêng của một chủng loại, tất nhiên cũng có văn chương, nếu đem so với văn-chương tiếng khác thời trình độ còn thấp kém, còn nói trong phạm vi tiếng ấy không phải là không có ý đẹp lời hay.

Văn chương tiếng Thổ hiện nay đang ở thời-kỳ « truyền-khẩu », nghĩa là chỉ gồm có những câu ca - dao, tục-ngữ, chứ không ở những sách vở. Tự chung cũng có, xong toàn là sách thuộc về lễ-giao cả như quyền

« Bách-Hoa Bách-Điều » (1), chép bằng « nôm thô » cũng văn-chương bóng bảy lắm. Người Thô không có thứ chữ riêng, họ mượn chữ Tàu dùng lối hài thanh, hội ý mà đặt ra một lối chữ riêng gọi là « nôm thô ». Kể sách vở viết bằng nôm thô ở Chiêm-Hóa đây thì ngoài mấy quyển sách thuộc về lễ giáo như đã nói, thắng hoặc cũng có người soạn được một vài đoạn đoản thiên tiểu thuyết bằng văn vần hay dịch các chuyện của ta như Phương-Hoa hay Phan-Trần v. v. Kể các chuyện đoản thiên ấy thì quyển « Kim Rinh » là hay hơn cả.

Chuyện tả một mối tình lâm ly thống thiết của đôi bạn trẻ là Kim-Rinh và Viên-Nữ. Kim-Rinh là một vị phong lưu công-tử ở phương xa du học tới đây, tình cờ một hôm đi ngoạn cảnh được biết một đóa hoa rừng là nàng Viên-Nữ. Nàng đẹp lắm hình như bao nhiêu những khí thiêng ở chốn lưu-thủy cao-sơn chung đúc nên con người ngọc vậy. Lạ gì thanh khí nhẽ hăng, một giây một buộc, hai bên yêu nhau, rồi những khi hoa sớm trăng chiều đã cùng nhau nặng lời minh-sơn thệ hải. Ai cũng tưởng rằng hai người sẽ được đoàn-tụ, nào ngờ đâu vì một chuyện riêng, Kim-Rinh phải rời bỏ Chiêm-châu nên nỗi chiều hôm lẻ bóng, nước non thân thể riêng ai ngậm ngùi ! Rồi từ đó hai người tương tư nhau, kết cục đến hi sinh tính mệnh cho thần ái tính cả.

Trong sách Bách-Hoa Bách-điều có đoạn tả cái tình của một người con gái nhớ mong ý - trung - nhân như sau này, tưởng không phải là không có văn-chương :

« . . . HỒNG NHAN LO KHÁT KHẨY NHƯ TƠ, TƯ MẠ LUỐC VẦN XƯA GIAO VẢ, CHẮC NHẰNG THƯƠNG THẮNG Á VẦN QUÂN. TIN TỨC BỐ CHÙM THẮNG PUỒN NÁO. NĂM LẶC CHẮC KỶ GIÁO PHÙNG LƯƠNG. . . CHÚC PUỒN CHÚC KHẮC ĐỀ BÚT NGHIÊN. MAI PUỒN KHẮC KHẮC VIÊN KIM CHỈ, CHÚC MAI CÙNG NẮN NỈ MÀ TÔNG. . . TÁCH THÂN PHẬN LẺ LOI SAO SẮC, LẠI TẮT MÌ VẦN ĐÉT VẦN PHUỒN. »

1) Là quyển văn chép những câu phụ đồng của các bà « Then » hạt Chiêm Hóa.

Đại ý nghĩa là : « Kiếp Hồng nhan rồi đứt như tơ... chàng Tư-Mã khi xưa giao ước, biết còn thương đến ả Văn-quân. Tin càng mong thời càng chẳng thấy, biết đến bao giờ mới có cơ hội - ngộ. Trúc buồn đem bút nghiên ghi chép, mai buồn đem kim chỉ viền thêu, trúc mai cùng xa trông năn nỉ. Thân phận đã lẻ loi sao sắc lại buồn thêm ngày nắng ngày mưa . . . ».

Thuật - giả xin thử thực không sao dịch cho hết ý của mấy câu văn Thỏ trên này, người biết tiếng Thỏ xem sẽ biết cái hay của nguyên văn. Kể mấy câu này so với tiếng Việt thì không có giá trị văn - chương. Xong một thứ tử-ngữ (langue morte) như tiếng thỏ mà cũng có đặt thành cú điệu, cũng biết dùng điển tích hẳn hoi, thiết tưởng cũng đáng để cho các nhà văn-sĩ hay ngữ - học lưu ý tới vậy. Tuy nó không du dương dẻo dắt, nhưng nó mộc mạc thơ ngây; tả mỗi tình mong nhớ ý-trung-nhân mà viết : « Chàng Tư - mã khi xưa giao ước, biết còn thương đến ả Văn quân » thiết tưởng có thể diễn được hết ý một cách thực thà tao nhã, không thống thiết lâm ly một cách hão huyền giả dối như văn ta.

Còn ca - dao tục - ngữ cũng có lắm câu nghe được, đại khái như những câu này :

« TÁCH THÂN THÊM TÁCH PHẬN LÀ QUẢ, CHIÊM THINH LÒNG ĐẠO LÀ MỘT THÂN, BỎ MÌ BẠN CHƠI XUÂN MỘT MÌNH.
nghĩa là :

« Than thân, trách phận,
« Cùng kiếp người lận đận thế a ?
« Kể từ khi lọt lòng ra,
« Ngày xuân nào đã ai là tri âm ? (lược dịch)
« PI-A PHẪNG PI-A MÌ PÍN,
« CŨNG PHẪNG, CŨNG ĐÚNG ĐÌNH TĂNG VANG.
« MẠ PHẪNG MẠ MÌ AN
« MÒ PHẪNG, MÒ TĂNG HANG ĐÁT ĐÁT.

nghĩa là :

« Cá bơi, tôm cũng đòi bơi,
« Cá dương vây cá, tôm thời nhảy tung ».

« Ngựa chạy rong, bò cũng chạy rong,

« Ngựa thắng yên ngựa, bò cong đuôi bò ».

thiết tưởng không kém gì câu :

« Thuyền đua thì lái cũng đua,

Con cóc cũng nhảy con cua cũng bò ».

« MÌ NHẬU, MÌ NHẢ, BỐ MÌ PHON,

« MÌ PHỤC, MÌ PHÀ, BỐ MÌ CẦN NÒN.

nghĩa là :

« Có giàu, có vố, không vôi,

« Có chần, có chiếu không người nằm chung ».

Còn văn thể thì chỉ có một lối thôi. Câu trên bảy chữ thì câu dưới cũng bảy chữ, cứ thế kéo dài mãi ra, thường thường chữ thứ năm ở câu dưới hợp vần với chữ cuối cùng câu trên.

Thuật - giả viết lời đây, trong lòng bỗng sinh ra một mối cảm tưởng, mà tự hỏi rằng : « Có nên chần hưng tiếng Thổ không ? »

Thuật - giả thiên nghĩ : tuy người Thổ hiện nay đang trải cái phong trào Việt-hóa, đem chần hưng tiếng Thổ lên tức là làm trái lẽ tự nhiên ; song đề một giống người như người Thổ, một thứ tiếng như tiếng Thổ phải tiêu diệt thì nghĩ cũng thương tâm, mà đáng giận thay những người có tâm Việt-hóa người thổ vậy. Thật là trái với nhân đạo và ích kỷ lắm.

Chần hưng bằng cách nào ? Cũng cần có một áng văn kiệt tác trong « nôm Thổ » như quyền Kiều đối với tiếng Annam chẳng ? Đó lại là một phương diện khác.

Đây thuật-giả muốn nói về phương diện truyền bá, nghĩa là phải làm thế nào cho tiếng Thổ có nhiều người biết tới hay nói được, ngõ hầu tiếng Thổ mới mong ngày một thịnh mà không đến nỗi tiêu diệt vậy.

Thắng hoặc có người nói : « Rõ thật việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng năng, tiếng mẹ đẻ mình sao không lo mà chần hưng lên, đắp nền xây móng cho cái lâu đài Quốc-Văn được vững bền, công đâu mà chần hưng tiếng Thổ là một thứ tử - ngữ không được bao lắm người nói. . . . »

Thuật-giả xin chịu lời trách đó là chính đáng, xong trộm tưởng rằng nếu việc chú bác mà có lợi cho mình thì cũng không nên nhắc, mà cần phải để một phần tiếng năng vào đó.

Ai không biết rằng ngày nay vì sinh kế và nhờ có đường giao-thông tiện lợi, một phần đông người Nam đã cần phải giao thiệp với một giống người ở tận hang sâu rừng thẳm là giống người Thổ kia vậy. Trong khi hai giống người đồng sinh cộng tồn với nhau mà tính tình không hiểu nhau, phong tục không hay nhau, đã là một điều bất lợi, huống chi lại ngôn ngữ bất đồng thời sợ khó khăn trong việc giao tế, còn biết nói đến đâu cho cùng nữa. Hoặc có người nói: «Người Thổ hiện đã biết nhiều tiếng Việt thì làm gì có sự khó khăn ấy», thì đây, thuật-giả xin hiến vài câu chuyện để làm chứng:

Khi còn nhỏ, thuật-giả có theo học trường Pháp Việt Chiêm - châu, được mục kích một tấn hài kịch về ngôn ngữ bất đồng: một tên trò Thổ ngã; đứng quần dính đất xết như phân người vậy. Thầy giáo ngờ, bèn gọi tên trò ấy lên hỏi:

— Sao đứng quần anh bẩn thế?

— Bầm cái thầy, rơi đất làm.

Ông giáo nghe hai tiếng «rơi đất» tưởng là «giời đất», phì cười mà nói to lên rằng:

— Giời nào làm bẩn quần anh?

— Dạ bầm cái thầy, thật ạ, thật «rơi đất» làm bẩn cái quần của tôi ạ.

Cả lớp cười ầm lên, mà không ai hiểu ra làm sao. Sau tên trò ấy phải ra hiệu, ông giáo mới hiểu rằng: tên trò ấy muốn nói «ngã» bị bẩn quần, mà không biết «người rơi xuống đất» thì tiếng Annam nói thế nào, nên mới nói gọn là «rơi đất» mà ông giáo nghe ra là «giời đất» vậy.

Còn một câu chuyện nữa, thuật-giả muốn kể ra đây để làm chứng cho lời nói, hơi có chút khiếm nhã,

ngòi bút lịch sử không nên viết ra, nhưng cũng xin miễn cưỡng viết ra đây, mong độc-giả thứ cho, vì thuật-giả không có ý « lỡm » ai :

Một cô hàng nôi đất người Trung-châu, gặp ngày phiên chợ, đem bày la liệt nôi nhơn nôi bé, đủ các thứ ra để bán, vừa bày hàng xong thì có một ông khách Thổ đến mua hàng, ý chừng ông muốn mua cái nôi mới hỏi : « *Mó ỷ, mó cái, khai kỷ lai chào au leo* » nghĩa là : « *Nôi bé, nôi nhơn, bán bao nhiêu, tôi mua hết cả* ». Cô hàng không biết tiếng Thổ, thấy một người đàn ông đứng trước mặt vắng ra nào « *leo* », nào « *mó* », thời tưởng ông khách mua hàng định trêu ghẹo mình, cô xấu hổ rồi bỗng nôi cơn tam bành chửi bới rầm rĩ. Còn người khách vì không biết tiếng « *kinh* » nên cũng không biết biện bạch ra sao, thấy cô hàng làm dữ thì chạy mất. Sau gần đây có người giải nghĩa rõ ràng câu hỏi của ông khách Thổ, cô dấy nẩy lên, tiếc món hàng bỏ vội vàng chạy theo gọi to lên rằng : « *Này cái nhà anh kia, mó bao nhiêu cái thì lại mà mó* » ; tất cả chợ cười ầm lên ; thương hại thay cho cô hàng biết mình lỡ lời, xấu hổ quá dọn hàng đi mất, mà khốn nạn thay cho ông khách thực thà phải một phen sợ hãi kinh hồn.

Người Nam và người Thổ giao thiệp với nhau mà ngôn ngữ bất đồng thường xảy ra những câu chuyện tức cười như vậy. Hình như Chính-phủ cũng lưu ý tới sự bất tiện đó nên thường có mở các kỳ thi tiếng Thái cho viên chức các công sở...

Nhất là các nhà giáo-dục, có lương tâm với chức vụ mình, một ngày kia phải đổi lên thượng du khai-hóa cho đàn trẻ Thổ, mà không biết tiếng Thổ, thời việc giáo-dục khó lòng có hiệu quả được. Đây là nói về cái lợi ngay trước mắt, còn về phương diện văn-chương học-thuật đối với những ai trong tứ-giới muốn đi kiếm, « *khoai mon trên rừng* » thời sự biết tiếng Thổ không phải là một sự vô-ích vậy.

NGUYỄN-VĂN-HUYỀN

BÀI TỰ TÌNH

của ông Cao - Bá - Nha (1)

Tiểu-dẫn — Ông Cao-bá-Nha, người làng Phú - Thụ, huyện Gia-Lâm, tỉnh Bắc-Ninh, là con ông Cao bá-Đạt. Ông Cao bá-Đạt và ông Cao-bá-Quát là hai anh em đồng bào song sinh, tư chất thông minh, lúc bé đã nổi tiếng là thần-đồng, lớn lên hai người đều học giỏi và đi thi cùng đỗ một khoa.

Riêng về phần ông Quát thì văn chương càng hay, người đời bấy giờ đã có câu : « Thần Siêu (2) thánh Quát » để khen tài ông. Nhưng có đại - tài mà không được trọng dụng. Sau khi sung các chức nhỏ ở trong kinh, ông phải bỏ ra ngoài Bắc, làm giáo-thụ phủ Quốc-Oai tỉnh Sơn-Tây. Đến năm Tự Đức, thứ 7 (1854), vì ông cậy mình có tài mà công danh không bằng người, mới tìm một người dòng-dõi nhà Lê, tôn làm minh chủ, rồi nổi loạn, tục thường gọi là « giặc châu-chấu » (3). Được ít lâu thì ông bị thua chết.

Lúc bấy giờ ông Đạt đương làm tri - huyện, vì em làm loạn nên bị bắt giải về kinh hạ ngục, sau ông uống thuốc độc tự tận. Cả nhà đều bị bắt. Duy có ông Nha là con trai lớn của ông trốn thoát được, ẩn náu ở hạt Mỹ-Đức (thuộc tỉnh Hà-đông) được tám năm trời thì lại bị bắt. Bài tự tình này ông làm khi đương bị giam ở trong ngục.

Kể về lối văn « tự tình » thì bài này đáng kể là một

(1) Xem bài « Thân thế và văn chương hai ông họ Cao » (V. H. T. C. số 5, trang 31 và số 6, trang 63)

(2) Siêu tức là ông Phó bảng Nguyễn-Siêu hiệu Phương-dinh cũng là một tay hay chữ đời bấy giờ.

(3) Gọi thế là vì trước khi ông Quát nổi loạn thì ở các vùng nhà quê thấy có từng đàn châu chấu bay mọi nơi.

áng văn hay, vì tình ý thiết tha, lời văn thống - thiết, thật là tả hết nỗi đau đớn của người chẳng may gặp cảnh gia-biến, bị nổi oan uổng mà vẫn giữ được lòng trung hiếu, nghĩa thủy chung, khiến cho ai nấy đọc cũng phải cảm thương cho cái thân thể của tác-giả mà tấm tức về cái hình phạt quá nghiêm khốc đời xưa.

Trong bản chúng tôi sao lục ra đây, chắc cũng còn có nhiều chỗ sai lầm, vậy dám mong các đọc - giả cải chính lại cho. Những chỗ hồ-nghi có đánh sẵn dấu hỏi bên cạnh.

X

I. — Đoạn mở bài

Tỉnh giấc mộng ngâm câu ký vãng (1),

Trải tám thu (2) ngày tháng như thoa (3).

Chiếc thân tựa bóng quan hà (4),

Nỗi niềm tâm sự trắng già thấu chăng?

Thơ cao ắp tay đăng (5) nên tập,

Bức linh đài (7) bút rập vào tranh.

(1) *Ký vãng* : đã đi rồi, đã qua. Do câu : « ký vãng bất cữu : = điều đã qua đi rồi không bắt lỗi đến nữa.

(2) *Tám thu* : tám năm, vì mỗi năm có một mùa thu.

(3) *Thoa* : thoi dẹt cửi. Ta thường ví ngày tháng đi nhanh như cái thoi đưa đi đưa lại trên khung cửi. Xem câu trong truyện Kiều : « Ngày xanh con én đưa thoi ».

(4) *Quan hà* : quan = cửa ải, như Nam quan ; hà = sông. Hai chữ này chỉ chỗ xa xôi, hoặc đất khách quê người, vì đi xa. thứ nhất là ra nước ngoài, tất phải qua cửa ải và qua sông. *Tựa bóng quan hà* : ý nói ẩn náu ở chỗ đất khách quê người.

(5) *Đăng* : sao chép lại.

(7) *Linh đài* = Giếng đề chỉ cái tâm địa con người ta. Do câu : Nhất điểm linh đài, đan thanh mạc trạng, nghĩa là một tấm lòng không thể lấy màu đỏ màu xanh vẽ ra được.

*Bâng khuâng mình tiếc cho mình,
Xa xa nói với xanh xanh (8) dãi lòng!*

II — Gia-thể

*Ngòi Đứcthủy (9) khơi dòng kinh sử,
Phả Cao dương (10) treo chữ tấn thân (11).
Dõi đời khoa bảng xuất thân (12),
Trăm năm lấy chữ thanh cần (13) làm bia.
Đèn Mông-chính (14) canh khuya một ngọn,
Màn Trọng-thư (15) năm trọn nửa vầy.*

(8) *Xanh xanh* : tức là ông trời. Ta thường gọi trời là ông xanh.

(9) *Ngòi Đứcthủy* : Sông Thiên-đức ở trong tỉnh Bắc Ninh là nơi quê quán ông Nhạ.

(10) *Phả Cao dương* : Về đời Đường-nghiêu bên Tàu có họ Cao-dương sinh ra tám người tài-tử. Phả là quyển sổ chép thể thứ trong họ. Đây mượn chữ Cao-dương để chỉ nhà họ Cao mình.

(11) *Tấn thân* : Mũ đai. Tiếng để chỉ bậc người đỗ đạt làm quan. Đây nói là họ đỗ đạt làm quan thuở nay.

(12) *Khoa bảng* : Khoa là khoa thi ; bảng là bảng biên tên người đỗ. *Khoa bảng xuất thân* : đi thi đỗ, rồi ra làm quan.

(13) *Thanh* là trong sạch, không tham lam, không lấy tiền của dân. Cũng như chữ « liêm ». *Cần* là siêng năng. Hai điều đó là hai cái đức tốt của một ông quan.

(14) *Mông Chính* : tức là Lã-Mông-Chính, người đời Tống, nhà nghèo, nhưng chăm học, sau đỗ trạng nguyên làm tể-tướng. Đây dẫn tích ấy để nói sự siêng học.

(15) *Trọng - thư* : ông Đồng-trọng-Thư là một bậc đại nho về đời Hán bên Tàu rất là siêng học, từng bỏ màn xuống đọc sách, ba năm không ròm ra ngoài vườn.

Chim hồng mong chấp cánh mây (?),
Năm xe kinh sử (16) một tay vẽ vờ.
Lửa Thái ất (17) đêm soi Lưu-Hương (18),
Cầu Thang tiên (19) ngày tưởng Trạng-khanh (20).
Gót chân coi nhẹ vân trình (21),
Văn - chương giốc túi, công danh dật cờ (22).
Nền thế nghiệp (23) đã nhờ gia-ấm (24),
Miền hoạn đồ (25) lại lắm thiên ân (26).

(16) *Năm xe kinh sử* : Kinh là ngũ kinh, năm cuốn sách của đức Khổng-tử san định hoặc soạn ra. *Sử* là sách chép việc đời xưa như Bắc Sử, Nam Sử. *Năm xe* là ý nói nhiều.

(17) (18) *Lửa Thái-ất* : ông Lưu-Hương là một bậc đại nho về đời Hán bên Tàu, đêm nào cũng đốt đèn thái-ất ngồi cặm-cui làm sách.

(19) (20) *Cầu Thang tiên* : ông Tư-mã tương-như tự là Trường-Khanh, người đời Hán bên Tàu, có tài văn-chương, lúc đi vào đất Thục, qua cầu Thang-tiên, đề mấy chữ ở cầu rằng : không làm nên có xe ngựa đi thì không lại qua cầu này nữa.

(21) *Vân trình* : đường mây, cũng như chữ « thang mây », nói đường làm quan.

(22) *Văn chương giốc túi* : trong trí có bao nhiêu tài về văn chương đem ra thi-thố, như giốc cả túi ra. *Công danh dật cờ* : làm nên vinh hiển, tiếng tăm ví như người đánh trận dật được lá cờ bên địch tức là thắng trận.

(23) *Thế nghiệp* : nghề nghiệp của ông cha để lại.

(24) *Gia ấ*m : phúc-đức của tổ tiên trong nhà để lại cho con cháu được nhờ.

(25) *Hoạn đồ* : đường làm quan.

(26) *Thiên ân* : ơn trời ; ơn nhà vua.

*Trước sau trải mấy mươi lần,
Môn phong (27) vẫn giữ trung cần (28) dám sai.
Ngẫm tiên phụ (29) nửa đời khổ - tiết,
Đề mai sau một ít vi danh (30).*

*Hoạn giai (31) nhỏ mọn đã đành (32),
Trong vòng Thú, lĩnh (33) phẩm binh còn khen.
Dấu trung ấn in miến mây trắng (?),
Chữ mục dân (34) bóng dựng non vàng (?).
Bức tranh treo chữ tuần lương (35),
Ngư dương hát lúa (36) Hà dương vịnh đào (37).*

(27) *Môn phong* : lễ nếp của một nhà.

(28) *Trung cần* : trung là hết lòng với vua, với nước ; cần là siêng năng.

(29) *Tiên phụ* : người cha.

(30) *Vi danh* : tiếng tăm nhỏ mọn.

(31) *Hoạn giai* : cũng như chữ « hoạn đồ » : đường làm quan.

(32) *Nhỏ mọn đã đành* : vì ông Cao-bá-Đạt mới làm đến tri-huyện.

(33) *Thú, Lĩnh* : Thú là thái-thú ; lĩnh là quan huyện.

(34) *Mục dân* : chăn dân, trông nom săn sóc đến dân.

(35) *Tuần lương* : ông quan giữ theo pháp-luật và thi hành chính-sự hay.

(36) *Ngư - dương hát lúa* : ông Trương-Kham người đời Hán bên Tàu, làm quan thái - thú quận Ngư - dương có chính-tích tốt, trời cho được mùa lúa ; dân trong hạt hát rằng : Bông lúa mạch trổ hai nhánh ; dân chúng ta nhờ được Trương-quân lý chính, vui không biết là chừng nào !

(37) *Hà-dương vịnh đào* : Ông Phan-An người đời Tấn bên Tàu, làm quan lĩnh huyện Hà-dương, xung quanh huyện thành giồng đầy những cây ; người ta gọi là đào thành.

*Giá cầm hạc so vào Triệu-Biến (38),
Thư phụng hoàng đưa đến Mao - khanh (39),
Móc mưa ơn đội Thánh minh (40),
Thanh minh (?) hai chữ góp danh với đời.*

(38) *Cầm, hạc*: Cầm = đàn có bảy dây; hạc: giống chim cao chân, cao cổ. — *Triệu-Biến*: người đời Tống, làm quan to mà tính giản-dị, đi đâu cũng chỉ đem theo một cái đàn cầm và con hạc.

(39) *Thư phụng hoàng*: Đời xưa bên Tàu, người ta thường dùng con chim phụng - hoàng bằng gỗ để ngâm tờ chiếu của vua truyền đi các nơi, nên những tờ chiếu vua quen gọi là thư phụng. Đời Hán có ông Mao-Nghĩa đương ần ở nhà nuôi mẹ, có chiếu vua bổ dụng làm quan huyện Lư-dương. Câu này ý nói ông Đạt được bổ đi làm tri huyện.

(40) *Thánh minh*: Thánh = hoàn toàn; minh: sáng suốt. Hai chữ này đây chỉ nhà vua. (Còn nữa)

DƯƠNG BÁ-TRẠC VÀ DƯƠNG QUẢNG-HÀM

KẾT QUẢ

CUỘC THI ĐẶC BIỆT

(Tức là cuộc thi sửa đổi chữ Quốc-Ngữ)

Cộng có rút nhiều người dự thí, toàn là những bậc có học - vấn có nhiệt - tâm với nền văn-tự nước nhà, đã bày tỏ được nhiều ý-kiến rất có ích đến việc sửa đổi này.

Trông thấy cái kết quả không ngờ mà được mỹ-mãn như thế, bản-quán đồng - nhân lấy làm cảm kích vô cùng.

Kỳ sau sẽ xin lục đăng cái kết - quả cuộc thi và các phương danh những người trúng thưởng.

V. H. T. C.



HOA LỮ KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN-GIẢ : DƯƠNG BÁ-TRẠC

(Tiếp theo)

XXIV

Nói xong, liền viết một phong mật thư, giao người tâm phúc đem trình Đình tướng-quân.

Thư rằng :

« Tam đệ tâm giám : Tiếp được thư em nói đã xét được đích tình Lê-Hoàn dứt lốt với nội nhân ta, dùng kế phản-gián, đều ấy quả thực không sai. Đã mấy tháng nay, anh cũng nghe bên ngoài phao đồn những điều tầm-bậy, nói hai hiền-đệ lập quân đội chứa lương bảo riêng, ủng binh chuyên quyền, những lời thêu dệt nghe rác cả tai ; ở trong nhà thì con mụ Dương-thị cũng thường cứ đều nọ tiếng kia dèm pha ỏn thót ; anh chẳng hề để vào tai một chuyện gì cả. Anh cũng đã liệu biết tất có kẻ gian-nhân bày mưu phản-gián, làm cho xa cách cái tình nghĩa anh em mình, cho cơ-nghiệp giang-sơn mình phải đổ nát, nó sẽ được đứng ngoài mỉm cười mát giả, trông thấy anh em mình kẻ máu người thuần, tương tàn tương tặc, nó không phải khó nhọc gì mà ra tay phá hoại được cái công việc xong gần quá nửa của anh em mình. May em lại dò thám ra được đích tình, gian-mưu chúng đã bại lộ rồi thì không phải sợ gì nữa ; mọi bề êm ấm trong ngoài,

càng sâu nghĩa bể càng giải tình sông. Có một điều nên chú ý là Lê-Hoàn gian-ác thâm độc như thế, không trừ được nó sớm thì e không khỏi dưỡng hổ di hoạn về sau. Nhị-đệ ý muốn dùng binh tiêu diệt cho khỏi sự lo ngại sau này; chẳng hay tình hình hiện thời ở ngoài thế nào; em thử dò xét xem đã có thể đánh được nó chưa thì em phúc thư về mà trừ tình cái cơ mưu đánh dẹp».

Đình tướng-quân được giấy, liền viết một phong mật thư phúc tấu động-chúa rằng:

«Thưa kha-kha, cái mưu phản-gián của Lê-Hoàn thật là hiểm độc, tâu-tâu em cũng không khỏi mắc phải mối câu, may nhờ được kha-kha minh trí như thần, những lời chần gối đậm-dà không làm mờ ám được được quang-minh mà vua tôi anh em được vẹn tuyền ân nghĩa, cơ-nghiệp nước nhà vẫn bền vững không chút động rạo. Nay gian mưu bại lộ, việc đã rõ ràng, tâu-tâu em chắc cũng đã thích nghi giải hoặc; xin kha kha cũng bỏ qua sự ấy, cùng tâu-tâu cứ xướng tùy vui vẻ, đừng vì thế mà lại ra ý sát ái tuyệt tình. Còn Lê-Hoàn là người gian-ác, em không phải không ra ý phòng ngừa, nhưng cứ cái tình hình hiện thời ở ngoài bây giờ, cùng binh dụng võ chưa phải là kế vạn toàn. Em đã thưa với kha-kha nhiều lần: Lê-Hoàn phải tính cách thu phục về mình, chứ đánh thì chưa hẳn đã duyệt được nó ngay, mà nó còn ở ngoài lung-lạc mình ngày nào thì còn làm rắc-rối cho mình ngày ấy. Cốt là anh em mình buộc chặt mối đồng tâm, trước sao sau vậy; việc Lê-Hoàn xin đề cho em tùy cơ ứng biến, thế nào cũng không đến nỗi xảy ra có sự lo ngại về sau ».

Bức thư ấy đệ lên Đình động-chúa xem rồi-liền chao cho Nguyễn tướng-quân khuyên hãy nghe lời Đình tướng-quân yên tâm tĩnh đợi cơ-hội.



HỒI THỨ TÁM

Tướng Đinh-Điền lòng hiếu thiết tha, dời quân trại về nuôi nghĩa mẫu. Nơi Sơn-dộng việc tang bối rồi, thất binh cơ thua trí Lê-Hoàn.

Ngày giờ thắm thoát, đến năm Quý mao (năm 943) tháng 7, bà Đàm-thị thịnh-linh bị bệnh thương-hàn, thuốc men chạy chữa không thấy bớt. Đinh tướng-quân được tin nghĩa-mẫu bệnh nguy, nóng lòng sốt ruột, cực chẳng đã phải giao việc quân cho người phó tướng, lật đật về Sơn-dộng hầu thăm. Về tới nơi, hầu chuyện Đinh động-chúa, biết bệnh thể thánh từ một ngày một thêm trầm-trọng. Nguyên tướng-quân cũng vừa vào, gặp Đinh tướng-quân mừng rỡ bội thường, liền nói.

« Trời ơi ! em đã về đây ư ? Nghĩa-mẫu anh em ta chẳng may bị thủy nguy, anh cùng đại-kha ở nhà rước thầy tìm thuốc, điều trị đã hết phương mà bệnh chưa thấy chuyển ; em trước đã từng làm thuốc, kinh mạch tinh thông, em nên mau mau vào xem bệnh mẹ xem, liệu còn có phương gì chạy chữa được chăng ?

Đinh tướng-quân lập tức khởi thân, nói với hai anh vào thăm bệnh mẹ, vào tới chân giường nằm của bà Đàm-thị, quì mà thưa rằng :

Trăm lay mẹ, con Đinh-Điền nghe tin mẹ ngọc-thể trái thường, ăn ngủ không yên, con lấy làm lo sợ quá, nay về hầu thăm mẹ, chẳng hay bệnh tình mẹ đã thuyên giảm được chút nào chưa ?

Bà Đàm-thị đương nằm mệt, mơ - mơ mòng mòng, giờ thức giờ ngủ, nghe tiếng nói, ngoảnh lại mở mắt nhìn thấy người quì dưới chân giường, chưa nhận ra là Đinh tướng-quân, hỏi :

— Ai ?

Đinh tướng-quân đứng giậy kề tới cạnh mình bà Đàm-thị, khẽ nói :

« Thưa mẹ mệt thế nào ? con, Đinh-Điền về hầu thăm mẹ đây.

Bấy giờ bà Đàm-thị mới biết là Đinh tướng-quân đã

về, tinh thần thốt nhiên tỉnh-táo, mặt mũi tươi tỉnh ngay lại mà rằng :

— A ! Con đã về đấy ư ? mẹ đã mấy hôm nay trong mình nóng rét, nhức đầu đau lưng, ăn ngủ không được, mong con đỏ cả con mắt ; nay trông thấy con về như uống được một liều thuốc đại bổ, bịnh đi đâu mất hết cả, con vốn tinh thuốc, bắt mạch thử cho mẹ xem.

Đinh tướng-quân da da liền ngồi ghé vào bên giường khẽ cầm tay bắt mạch hồi lâu, rồi hỏi dần từng tý : nóng thể nào, rét thể nào, ăn chẳng miệng hay không, ngủ bắt mê hay không, nước tiểu trắng hay vàng, đi đại hoạt hay táo, mồ hôi ra nhiều hay vẫn hăm, mình mảy mòi lấm hay mòi vừa, xương sống đau hay không, nước miếng khô hay nhuận, mọi đều căn-kế, cứ hãy Đinh tướng-quân hỏi một tiếng thì bà Đàm-thị lại đáp một câu, xong Đinh tướng quân thưa với bà Đàm-thị rằng :

— Bịnh mẹ chẳng quacảm hàn nhì-nhặng không hề chi cả, chừng rằm mười ngày nữa khắc lại khỏe mạnh như thường. Xin mẹ cứ yên tâm tĩnh dưỡng cho, con sẽ tìm thuốc tìm thang để mẹ được mau lành mạnh.

Nói rồi bái tạ nghĩa mẫu, xin phép cho lui ra ngoài. Đinh động-chúa cùng Nguyễn tướng-quân đều cũng van đứng chực sẵn ở ngoài cửa phòng đón Đinh tướng-quân hỏi :

— Sao ? bịnh mẹ thế nào đấy hử em ?

Đinh tướng-quân vẫy cả hai người đi ra ngoài, khẽ nói : Thưa hai kha kha, anh em mình khốn to ! bịnh mẫu thân ta cứ như em xem thì mười phần không còn chắc lấy một hai phần nào cả. Trời ơi ! Đất ơi ! Anh em mình được nhờ từ-huấn có chút chí khí tài-năng, kinh doanh nghiệp lớn trong năm, sáu năm trời nay, dở dang chưa thành, mà chẳng may mẹ ta trận đau này vội phải ôm chi mà thác thì anh em mình đắc tội với mẹ biết là dương nào ! Nói về cái hiếu to thì công-danh chưa lấy gì làm dương hiền, mà nói

về cái hiếu nhỏ thì phụng dưỡng chưa chút gọi là báo thường. Than ôi! cây muốn lặng mà gió không dừng. Nỗi đau đớn của anh em mình sau đây nói sao cho siết!

Nói rồi khóc nức khóc nở, nước mắt chứa chan. Đinh động-chùa cùng Nguyễn tướng quân đều vật mình lẫn khóc. Đinh tướng-quân nín khóc mà rằng :

— Thôi! Trời đã không đoái tới cái tình hiếu thảo của anh em chúng ta, kêu cũng chẳng nghe, khóc đã vô ích. Trong cơn bối rối này, nên phòng có kẻ cừu địch thừa nguy mà mưu hại đến anh em mình; bây giờ nhị kha phải hết sức luyện binh tích lương, giữ gìn các đồn ải cho kỹ càng cẩn thận; việc ngoài em đã giao phó cho một viên Phó-tướng tin cậy được, có việc gì khó khăn lập tức phi báo động-chùa biết; tại quân trại đây lúc nào cũng nên sắp sẵn một đạo tinh binh khi giới chinh tề, lương thảo sung túc, phòng khi có tin cấp báo thì tiếp ứng được ngay, em xin phép hai kha kha ở nhà trông nom thang thuốc hầu mẹ ít lâu; nay bệnh mẹ đã nguy kịch đến thế này, em không bụng nào dời xa dưới gối cho được.

Nói rồi liền cắt mình dừng giấy đi tìm các vị thuốc trước đã kinh nghiệm đem về bốc thuốc dâng bà Đàm-thị soi; uống ba thang thuốc, bà Đàm-thị trong mình cũng có dễ chịu hơn trước, ăn ngủ có tiến vài phần; Đinh tướng-quân lại vào bắt mạch xem bệnh lần nữa thật kỹ càng. nhưng xét ra gốc bệnh cũng không trừ khử được chút nào, người già khí huyết đã suy kiệt quá chừng, không thuốc gì bổ lại nữa.

Đinh tướng quân gạt thắm nước mắt, nức nở trong lòng, ra thuật bệnh-trạng với hai anh, cùng than vãn buồn bã.

Cách mấy ngày sau, hôm ấy là hôm mồng năm tháng 8, bà Đàm-thị thấy trong mình càng ngày càng mệt, sức lực kiệt cả, biết chẳng bao lâu thì mình phải từ

giã con cháu mà về nơi cực-lạc châu phạt châu tiên, bèn gọi cả Đình động-chúa cùng Nguyễn Đình hai tướng đến trước giường nằm, nét mặt đăm đăm, thỏ thẻ nói tiếng một dặn rằng :

— Mẹ già tuổi yếu, phận quần thoa không dám biết đến việc cung đao, chỉ biết lấy đức sửa nhà, lấy nghĩa dạy con, gặp buổi loạn ly, nước nhà tan nát, dân già lâm than, ngày đêm cầu giới khẩn bụt mong sao nước được chóng định, dân được chóng yên ; nhờ lòng trời xui khiến, ba con cùng nhau gập gối, bốn bề một nhà, hấy nay đồng tâm hiệp lực, chấn chỉnh cơ đồ, mẹ được thấy các con ăn ở cùng nhau hữu ái một niềm và công chuyện các con làm quang minh chính đại, mẹ thật lấy làm vui lòng hởi dạ vô cùng. Nay số trời có hạn, lâm chừng nguy kịch, thuốc thang hết sức cũng chẳng thấy công hiệu gì, mẹ tuy sắp phải đến ngày từ giã các con, xa nơi trần-cảnh, nhưng nếu các con giữ được thủy chung như nhất, một lòng một gia lo cho nước chóng được định, dân chóng được yên, thì mẹ dù xương trắng tuổi vàng cũng vẫn được phần vẻ vang sung sướng. Công việc các con mười phần đã xong được đến sáu, bảy, nên cùng cố tí nữa cho thật trót lọt vẹn tuyền. Người xưa có câu : Đi con đường trăm dặm, đến chín mươi dặm mới kể được có nửa đường ; việc đã hồ xong mà cũng không chắc là khỏi hồng như thế. Lại có câu : Có công mài sắt có ngày nên kim ; việc thật khó xong mà cố làm cũng không đến nỗi hồng như thế ; các con cố đi ! mẹ nay tuy hồn lìa xác, mà vong linh phảng phất không bao giờ không vờ vẩn ở đuôi lá cờ đầu ngọn giáo của các con ; các con mà đồng tâm hiệp lực với nhau thì mẹ sẽ vui lòng mà phù hộ các con cho làm việc gì được việc nấy ; nếu các con có đả náo ly tâm ly đức thì mẹ sẽ ngựa gan nổi tiết mà hành phạt cho không tài nào mọc mũi tui tằm.

(Còn nữa)

Dịch Hán-văn

BÀI KÝ HỈ VŨ ĐÌNH

CỦA ÔNG Tô-Thức

là một nhà văn-học có tiếng về đời Tống bên Tàu.

TIỂU DẪN. — *Lúc ấy ông làm tri huyện Phù-phong, có làm một cái đình nghỉ mát, vừa gặp kỳ đại hạn đã lâu được mấy trận mưa, nhân đặt tên đình là hỉ vũ (nghĩa là mừng mưa) mà làm bài ký này :*

Đình đặt tên là mưa, ghi sự mừng vậy, người đời xưa hễ có sự mừng thì lấy mà đặt tên một vật gì để tỏ ý không quên. Ông Châu-Công được bông lúa lạ, lấy mà đặt tên sách (1); vua Hán-Vũ được cái đỉnh quý, lấy mà đặt tên niên hiệu (2); họ Thúc-Tôn đánh được giặc Địch lấy mà đặt tên con (3); mấy sự đó có cái mừng lớn, cái mừng nhỏ không giống nhau mà cũng là tỏ ý không quên cả.

Ta đến huyện Phù-phong năm thứ hai mới sửa sang nhà cửa, làm một cái đình ở phía bắc đình, mà phía nam đình đào cái ao, dẫn nước giếng cây, để làm nơi nghỉ mát.

Năm ấy mùa xuân ở phía nam núi Kỳ có hai khóm lúa mạch, người ta coi bảo là triệu được mùa. Rồi mà suốt mấy tháng không mưa; dân đương lấy làm lo lắng. Quá ba tháng, ngày Ất-mão mới mưa, ngày Giáp tí

1) Ông Đường-Thúc được bông lúa lạ, dâng lên vua, ông Châu-Công nhân làm sách đặt tên thiên sách là Gia hòa (nghĩa là lúa tốt).

2) Vua Hán-Vũ nhân được cái đỉnh quý đổi niên hiệu là Bảo-dĩnh (nghĩa là đỉnh báu).

3) Thúc-tôn-đắc-thần đánh được giặc Địch ở đất Hàm, bắt được tướng giặc tên Kiều-Như; Đắc-thần bèn đặt tên con mình là Kiều-Như.

lại mưa; dân còn lấy làm chưa đủ; đến ngày Đình mỗ, mưa lớn ba ngày mới thôi; quan lại cùng nhau mừng ở nhà; kẻ buôn bán cùng nhau hát ở chợ; kẻ làm ruộng cùng nhau vui vẻ hơn hởi ở ngoài đồng; kẻ đương lo thì mừng; kẻ đương bệnh thì khỏi; mà cái đình của ta lúc ấy cũng vừa làm xong.

Nhân thế mời khách uống rượu ở trên đình mà nói với khách rằng: Nếu năm ngày không có mưa thì sao? Khách đều nói: năm ngày không có mưa thì còn gì là lúa!

— Nếu mười ngày không có mưa thì sao?

— Mười ngày không có mưa thì còn gì là thóc?

— Không lúa, không thóc, dân sẽ đói to, trộm cướp tứ-tung, mà kiện cáo nát bét, thì ta đâu muốn cùng khách chơi vui ở cái đình này, liệu có được chăng! nay trời không bỏ dân ta, mới nắng mà cho mưa ngay, để chúng ta được cùng nhau chơi vui ở cái đình này, là đều nhờ ơn mưa cả, quên sao được mà quên.

Bèn đặt tên đình là hỉ-vũ mà hát một khúc rằng: Nếu trời mà mưa châu, kẻ lạnh không lấy được làm áo. Nếu trời mà mưa ngọc, kẻ đói không lấy được làm gạo. Trận mưa ba ngày, ấy là công ai? Dân bảo công quan, quan có công gì. Qui công lên vua, vua bảo không phải. Qui công cho trời, trời không hề kể công. Qui công đến cái khoảng không kia, khoảng không mù mịt biết thế nào mà gọi tên. Ta lấy ta đặt tên cái đình của ta.

DƯƠNG BÁ-TRẠC

Bản-chí cứ mỗi ngày mỗi chấn chỉnh thêm. Từ số này trở về sau, kỳ nào cũng in dày hơn 8 trang nữa nghĩa là 56 trang. Mong các Ngài biết cho.



(NÀ THOẢNG ĐIAI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

XVIII

Một lát lại nói :

— Còn một đồng, ta ra hàng đánh một bữa chén, vào lã ké Khuôn kéo mấy liều thuốc phiện cho tỉnh người Hôm nay thực là một ngày tốt đẹp quá . . . à, nhưng ta có nên nói cho Bạch - Hùng biết việc lã chánh vào đây chăng ? . . . Ta cũng nên truyện trò với hần một chút, mất gì một câu truyện làm quạ, Vả chẳng có làm bộ sẵn sóc tới hần thì bận sau hần có gì. mình có gạ gẫm nó cũng không ngượng . . .

Trong lúc ấy, trên con đường vàng rực dưới ánh tà-dương, ông Chánh

Quan cúi đầu vừa đi vừa nghĩ :

— Quái lạ ! mình kín như thế, chả nhẽ mẹ con con Mai lại hiểu rõ truyện hay sao ?

Đến đây ta nên trở lại mấy thiên trên. Buổi chiều hôm Bạch-Hùng đi thăm nương, ông Chánh đợi anh ta đi khỏi rồi, tạ sự đi chơi xa, ngầm đem nỏ vào rừng định bắn chết Bạch Hùng. Ông ta xem vết chân, biết rằng lối vào nương có con beo lẩn quẩn ở đấy rình nài. Ông tính thăm một khi Bạch-Hùng bị trúng tên ngã xuống, con beo tất thấy hơi tim đến tha vào rừng ăn thịt. Về sau việc Bạch-Hùng

chết, người ngoài có biết thì bảo người bị beo cần là thường. Ông Chánh chắc như thế nên theo hai Bạch-Hùng. Chẳng ngờ tên bắn không trúng. Bạch-Hùng lúng đui, ông hoảng sợ phải chạy vào rừng. Chờ một lúc lâu không thấy động tĩnh gì, ông Chánh bèn lần theo lối tắt đi trốn. Ra đến khúc ngòi ngoài, gặp thằng bé chặn trâu, ông Chánh bèn đưa nó cho nó đem về cất để Bạch-Hùng khỏi sinh nghi và dặn nó đừng cho ai biết rằng nó gặp ông. Ông Chánh chơi quanh quần mấy làng bên cạnh. Một đêm ông ta lên về quanh nhà nghe ngóng chợt gặp cậu Vát, bèn nảy ra cái ý thâm độc là giết chết cậu Vát để đổ tội cho Bạch-Hùng. Làm xong thủ đoạn tàn ác ấy, ông lần trốn mãi sáng hôm sau, khi Bạch-Hùng bị bắt giải đi rồi, ông mới làm bộ hốt hoảng chạy về, vẫn không ngờ vợ con ở nhà đã biết tổng truyện mình.

Bấy giờ bà Chánh và cô Mai đang ngồi lẳng lẳng trên khuôn bếp. Hai người

thấy ông lên cũng chẳng buồn chào hỏi gì cả. Ông Chánh thấy vậy lấy làm ngờ, nhưng cũng cứ tự nhiên như người vô tình. Ông lại gần bếp, vớ cái điều ống, hút một hơi thuốc lão, đoạn hỏi vợ và con rằng :

— Thế nào, lúc hai thằng ấy giết nhau, ở nhà có nghe thấy gì không? Rõ dầy dà quá, rồi lại đi làm chứng mỗi cẳng... Cái thằng Bạch Hùng trông mặt khù khờ, ai ngờ dám hành sự dữ thế, ghê thật.

Bà chánh bắt bình lăm, buột miệng nói :

— Còn chán người khác thâm hiểm độc ác gấp mấy Bạch-Hùng thì ông ghê đến đâu ?

Ông Chánh giật mình, dương to con mắt tròn xoe nhìn vợ :

— Mẹ nó nói gì lạ vậy?... Tôi nghe như có ý còn thương sót và có ý bênh vực Bạch-Hùng lắm !

Bà Chánh không trả lời, phủi áo đứng giậy vào buồng. Cô Mai cũng xuống nhà say lúa.

Trơ lại một mình bên

cạnh bếp, ông Chánh Quan lặng im nghĩ ngợi. Câu nói của bà chánh như một thỏi sắt đổ đi vào khối óc ông. Thành thử lúc bước chân về nhà yên trí bao nhiêu, lúc đó lại băn khoăn bấy nhiêu. Những điều tính trước, ông ta ngờ có lẽ hỏng cả. Rồi bỗng đứng lại bàng hoàng kinh sợ, suốt ngày ngồi bếp một số hút thuốc lá, hơi thấy ngoài cổng có tiếng động là đã hốt hoảng, tưởng chừng lính tráng đến bắt mình... Đêm đêm, ôm bóng đèn ngồi, vì hễ đặt mình xuống chiếu thì cảm giác như nằm lên đồng chông gai. Lắm lúc mệt quá vừa chợp ngủ đã thấy bố đẻ Bạch Hùng và cậu Vát đứng cạnh giường, trừng mắt nhìn một cách thù oán. Ông Chánh hoảng hốt mở bừng mắt thì quanh mình chỉ có cái bóng đèn lơ mờ chiếu sáng một cách âm-thầm... Sự cô- tịch làm cho ông ta kinh sợ, lắng tai nghe chỉ thấy phồng bèn cái tiếng thở dài của vợ con...

Ông Chánh Quan không thiết gì đến ăn uống. Lúc

nào cũng nóng lòng sốt ruột, lắm lúc chạy hoảng lên tỉnh để dò thăm tin tức về Bạch-Hùng. Nếu không có sự gì đáng ngại thì lúc về, ông ta hơi yên lòng và thường trách mình quá nhát. Nhưng phần nhiều mỗi lần từ biệt anh lính gác mà ông quen biết từ hôm xảy ra việc bắt Bạch-Hùng, lòng ông lại thêm một mối nghĩ ngợi kinh hoàng, anh ta thấy cái giáng điệu của ông Chánh và nhờ ông ta dặn anh nên giữ kín đừng cho Bạch-Hùng biết việc ông lại thăm, thì ngờ ngay rằng trong việc đó ông Chánh tất có sự gì đáng lo ngại. Anh ta giờ ngay cách dọa nạt soay tiền, cứ lựa theo những câu hỏi của ông Chánh mà tìm những câu trả lời lơ lửng khiến cho ông phải trượt dạ, lắm lúc anh ta làm ra vẻ khùng khỉnh bí mật cốt ông Chánh thôi tiền ra.

Ông Chánh nao lòng nhất về câu chuyện cô Mai vào thăm Bạch-Hùng.

— Mẹ con con Mai thương Bạch-Hùng lắm. Trái lại, đối với ta, vợ ta đã tỏ lòng

nhặt nhẻo, thường nói những câu sâu sè lòng ta! Ta sợ dĩ giết người lần này thực chính vì sợ phải lia vợ lia con, chẳng ngờ vợ con đem lòng oán ghét ta trước nhất. Nay con Mai lại định chết theo Bach-Hùng, nói rằng để báo thù lại cái tội ác của ta... Chao ôi! con ôi là con!... Nó mà chết thì mẹ nó cũng chết. Bấy lâu ta khổ tâm vô ích!....

Ông Chánh thở giải, trong lòng đau đớn vô cùng.

— Nó chết thì mẹ nó cũng không sống được!... mà dù có sống thì rồi đối với ta nó cũng thành thù ghét mà thôi!...

Chợt đằng trước mặt có liếng người gọi:

— Kia, ông Chánh đi đâu về thế?

Ông Chánh Quan dương con mắt đỏ như máu nhìn xem thì là ông Bá, bố đẻ cậu Vát, Ông Chánh rùng mình:

— Ông đi đâu về nom vẻ mặt buồn thế?

— Tôi ở tỉnh về. Phải, tôi buồn quá, thằng cháu đằng nhà bỗng nhiên bị

thiệt mệnh, tôi nghĩ thương cháu và ái ngại thay cho ông Chao ôi, bao giờ quan trên mới đem sả cái thằng Bach-Hùng đây? Nếu nó chẳng ra tay tàn ác thì thằng cháu với con cháu Mai chẳng tôi thực sừng đôi phải lứa, mà anh em mình thân lại thêm thân biết chừng nào!

Ông Bá thở giải, chùi nước mắt:

— Tôi nghĩ cũng buồn lắm, ông a. Phỏng thử đích xác Bach-Hùng đã giết con tôi, thì dù ăn gan uống máu nó, tôi đây cũng chưa hả giận... Nhưng... trong này có sự uẩn-khúc... vì Ké-so vừa rồi có bảo với tôi rằng kẻ giết con tôi không phải Bach-Hùng. Thủ phạm, Ké biết đích là đứa nào rồi...

— Chao ôi!...

— Ừ, ông nghĩ thế có la lùng không?

— Ké-so có nói rõ tên thủ phạm không?

— Hiện giờ Ké bạn đi thăm người bà con ốm, lúc đi có giận tôi rằng: «Thề nào cũng cứu cho Bach-

Hùng, còn thủ-phạm Ké ý muốn để cho nó tự thú tội nhưng lúc về mà nó vẫn an-nhiên, bấy giờ Ké sẽ ra quan nói rõ cả đầu đuôi. Fôi sốt ruột lắm, giá lúc mà tôi biết kẻ giết con tôi là ai thì...

Nói đến đây, người cha bất hạnh giậm đất nghiêng rặng, vẻ mặt rất dữ tợn làm cho ông Chánh Quan sợ run cả người.

— Thôi ông về nhé, tôi ra tỉnh có chút việc, phải đi kéo tối.

Ông Bá đi khỏi, ông Chánh-Quan còn đứng nhìn theo hồi lâu :

— Trời ôi ! hôm nay sao mà lắm cái tin chẳng hay cho ta thế này ! Có lẽ quanh mình lúc này hết thấy ai ai cũng đồng ý hại ta chăng ? Nay truyện mẹ con con Mai chưa xong đã lại truyện Ké So. Không biết con mẹ móm ấy nói vậy, ý nó định ngò cho ai. Chả có lẽ nó cũng....

Ông Chánh kinh-sợ lắm :

— Chết ! . . . phen này thì ta chết ! Vợ con ruồng dẫy, quanh mình toàn kẻ thù địch . . . ta mong cậy vào ai bây giờ ? . . .

Nói đoạn sùi - sụt khóc ngấm. Giọt nước mắt rất hiếm ấy lăn-tăn tưới đầm trên hai má nhăn nheo. . . .

Hồi lâu ông ta bỗng ngừng dần lên trời, trợn mắt nghiêng rặng, dơ nắm tay như đe-dọa :

— Được rồi ! . . . Chúng bay muốn hại tao thời khó gì ! . . . Tao sẽ cho chúng bay chết . . .

Ông ta cười khanh khách :

—Ừ, cho chết hết, mà chết một cách gớm ghê ! . . .

Máu trong mình như sôi lên, ông hăm hở về nhà, nhảy từng ba bước thang một, trong lòng ngùn ngụt cái lửa thù . . .

Chợt cái tiếng khóc của cô Mai tự trong buồng đưa ra, làm cho ông Chánh đứng sững lại :

— Mẹ ơi ! . . . mẹ chết đấy ư ? . . . Khốn nạn cho mẹ tôi chết vì tủi hổ . . .

Ông Chánh chạy vào buồng Vừa đến cửa. Cô Mai chạy ra chắn ngang cửa nói rằng :

— Cha đừng vào !

Ông Chánh ngạc nhiên trừng mắt nhìn con :

— Vâng, cha đừng vào. Mẹ con dặn . . .

-- Mẹ mày dặn mày đừng để tao bước vào đây ? . . .

Bà Chánh lúc đó đã tỉnh, lên tiếng tiếp rằng :

— Phải, chính tôi dặn con Mai đừng để ông vào đây. Tôi mà phải nhìn mặt ông thì chết không yên . . .

Nói đến đây, bà Chánh cố gượng ngồi dậy :

— Nhưng thôi, Mai, con cứ để ông Chánh vào vì mẹ muốn nói chuyện với ông ấy . . . con ra ngoài đun cho mẹ tí nước.

Cô Mai vâng lời bước ra. Ông Chánh ngập ngừng một lát đoạn tiến đến bên giường vợ.

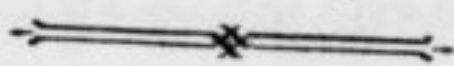
Trong buồng tối lắm, ánh đèn dầu lạc lờ-mờ nom vật gì cũng chỉ thấy hơi phảng phất mà thôi. Ông Chánh nhìn vợ thấy hai con mắt ràn lên một cách dữ-dội.

— Từ cái hôm Bạch-Hùng bị bắt đi, tôi thực không muốn nhìn mặt ông nữa. Đối với ông, tôi ghê - tởm không biết chừng nào ! Ừ ông thử nghĩ lại cái đời ông xem, nó chứa-chất bao nhiêu tội ác ! Thoạt tiên, ông say mê một người con gái.

Nhưng người ấy không yêu ông — chắc cái cơ vì dân ông cũng rõ — lại trao duyên cùng người khác. Việc ấy thường lắm. Chẳng ngờ vì tính kiêu ngạo và ích - kỷ ông đem ngay lòng thù vợ chồng người ta. Ông không làm cách gì được, bèn lén bắn trộm chồng người đàn bà bất-hạnh ấy, khiến cho người ta trở nên một kẻ góa bụa không chỗ tựa-nương, không cửa-cái, một mình với mụn con côi ! Cái thủ đoạn cường bạo ấy làm cho ông phải lìa cửa lìa nhà đến lần-lút ở đây. Nếu ông là người biết nghĩ và còn chút lương tâm thì đáng lẽ suốt đời nên ăn-năn tội ác, ra công làm lụng để tìm cách tư-giúp cho mẹ con người khốn nạn đã vì ông mà khổ sở. Không, không những ông không ăn-năn, không nghĩ gì đến mẹ con Bạch-Hùng, ông lại còn dụng tâm lừa đảo một người con gái khác, tuy nghèo nhưng vốn xưa nay là con nhà lương thiện. Ông đem cái đời ô-uế làm hại cả một đời trong sạch.

(Còn nữa)

Những cỏ rác ở vườn văn



Trong một cái vườn, cây cối tốt tươi, hoa lá rườm rà, nếu có cỏ rác, ta cần phải nhổ hay quét sạch đi, thì mỗi khi ta vào vườn ta mới thấy hứng thú. Ở những báo chí sách vở xuất bản ngày nay, những cái hay ta biết thưởng thức đã đành, nhưng những điều dở ta cũng cần phải biết để tránh xa. Vì ý ấy, từ nay bản-chỉ mở ra mục này cốt để cùng các bạn cùng biết những cái cỏ rác trong vườn văn nước nhà. Từ khi xuất bản, bản-chỉ vườn giữ một thái độ hòa nhã, lúc nào cũng nghĩ đến sự chần chĩnh tờ báo cho mỗi ngày thêm vui, thêm hay, thêm có ích, không muốn khích bác công kích ai, nên trong mục này, bản-chỉ định rằng: các tên báo chí hay sách chuyện trong có trích những sự lầm lẫn, bản-chỉ chỉ lấy những chữ đầu đề khỏi mếch lòng ai, mong các bạn đồng nghiệp biết cho. Trong các đọc-giả, ai có thấy những cỏ rác ấy cũng vui lòng chỉ giúp cho, xin cảm ơn trước.



1° Trong báo T. L. số 76 ra ngày 5-8-1933 ở Huế có cái đầu đề: *chỉ n° 47 du 3 Juillet 1933*. Sao không dịch là « chỉ dụ số 47, ngày mồng 3 tháng 7 năm 1933 » Đã viết tiếng An-nam thì viết toàn bằng tiếng An-nam sao lại còn xen tiếng Pháp vào ?

2° Trong báo T. A. số 8, ra tháng 7 tây năm 1933 ở Saigon ; có mấy dòng dịch Pháp - văn chưa dưới một tấm hình người đàn bà Tàu thấy câu : *một mình coi sóc và tourner máy tuồng hát bóng ; đây bà ấy đương tourner ngoài đường*. Sao chữ « tourner » không dịch là « quay » (ta nói là quay « phim ») lại để nguyên chữ Pháp ?

3° Cũng ở số báo ấy, dưới cái ảnh cô Maryse Hilz, thấy câu chữ Pháp : « Voici notre gracieuse aviatrice Maryse Hilz lors de son passage à Tokio » mà dịch ra quốc-ngữ là : « đây là cô M. H. nữ phi công đang khi dạo vườn của Hồng-Mao ». Tokio ở bên nước Nhật, chứ có phải ở bên nước Hồng-Mao (Anh) đâu !

4° Báo Đ. Pg. số 868 ra ngày 26 - 7 - 33 dịch chữ « *Nature morte* » ở dưới cái ảnh Raymond Legueult là « mùa đông » thì không đúng. « *Nature morte* » là bức tranh trong không có những vật sinh-hoạt như nhân, vật, thảo, mộc. Một bức tranh trong chỉ có chum, vại, lọ, chĩnh, hoặc là bát, đĩa, nôi, niêu thoi.

Vả lại những chữ « *paysage* » và « *nature morte* » đây không phải là nhan-đề (*titre*) của những bức tranh; những chữ ấy dùng để chỉ những lối vẽ. Như: *Watterloo* (vẽ trận vua Nã-phá-luân đánh nhau với các nước) *Le gué* (chỗ lội) Nguyên khoa hội họa chia ra làm nhiều môn như: *portrait* (vẽ người) *caricature* (vẽ khôi hài) *marine* (vẽ biển) *paysage* (vẽ phong cảnh) *nature morte*... Như vậy thì ông LEGUEULT chắc giỏi về hai môn vẽ: *paysage* và *nature morte*, mà được thưởng; những tranh ông đã bày để dự thi về hai môn vẽ ấy vì tất chỉ có hai bức, có thể có hơn được.

Điều thứ tư này do ông BÙI-TIẾN-RÌNH chỉ giúp

DICH PHAP VAN

A une vieille amie

Quand vous serez bien
vieille, le soir à la chandelle,

Assise auprès du feu, dévi-
dant et filant,

Direz, chantant mes vers en
vous émerveillant :

« Ronsard ne célébrait du
temps que j'étais belle »

Ronsard.

Gửi cho người bạn gái cũ.

Đến khi tóc bạc da mồi,
Canh khuya luống những đứng
ngồi một thân.

Trước đèn nghĩ ngợi âm
thăm,
Rệt thêu, cung cửi bán khoán
một đời.

Này thơ ta thảo mấy nhời,
Ngâm nga tình cũng nhớ người
quen xưa.

« Rông-Xa danh-sĩ bấy giờ,
Thấy ta nhan sắc cũng thời
ngợi khen ».

P. L.

tin tức ◦ **TRONG LÀNG VĂN** ◦

Ông Nguyễn-tiến-Lãng lại được một hội các nhà thi-sĩ ở bên Pháp tặng hai giải thưởng văn chương nữa.

Mới đây, trên báo hàng ngày « *L'Ouest journal* » xuất bản tại Saint-Malo, thuộc xứ Bretagne (về phía tây nước Pháp) ngày 3 Septembre 1933 đăng tin về cái kết quả cuộc thi văn-chương của hội các nhà thi-sĩ ở Côte d'Emeraude về năm 1933, thấy có tên ông NGUYỄN-TIẾN-LÃNG được thưởng bội tinh hạng nhất về bài tản văn nhan là « Ruines d'Angkor » và bằng danh dự thứ ba về bài thơ « Douceur de Hué ».

Hội đồng chấm các bài thi do ông Henri de Régnier có chân trong viện Hàn-Lâm Pháp chủ tọa cùng các nhà văn đại danh Sébastien, Charles Leconte, Madeleine Champion, Eugène Le Mouel, v. v. ... làm hội viên. Lại có tất cả đến 200 nhà văn ở khắp các nước dự thi, thế mà một mình ông Lãng được tới hai giải thưởng. Thực là một sự rất vẻ vang cho ông.

Nào ông đã có bằng Tiến sĩ, Cử-nhân hay đã từng qua bên Pháp như nhiều bậc thiếu niên khác đâu, ông chỉ là một người xuất thân ở trường Trung-học ra, thêm có bằng tú-tài rồi vừa đi làm, vừa luyện tập lấy, mà cái văn-nghệ của ông càng ngày càng thấy rực rỡ như thế.

Bản-chí xin có lời mừng ông.



CÙNG CÁC NGÀI ĐÃ GỬI BÀI ĐĂNG BÁO...

Trong bạn đọc giả có nhiều Ngài đã gửi cho chúng tôi lắm bài có giá trị ; chúng tôi đa tạ tấm thịnh tình ấy và xin nói với các Ngài rằng : những bài ấy sẽ thế nào cũng lục tục đăng dẫn ; giám mong các Ngài vui lòng chờ đợi, cảm ơn lắm.

TRUYỀN VUI

Một cụ Hoàng giáp, khi già ở nhà mở trường dạy học. Một hôm cụ sai một cậu học trò xuống bếp châm đóm hút thuốc. Khi xuống, nhìn trước nhìn sau không có ai mà trên bếp có một nồi tôm, trẻ người non dạ vả lại học tự sáng sớm đến gần trưa chưa được về nên bụng cũng đói, bèn bốc vài con bỏ mồm ăn. Đang nhai, bỗng có tiếng từ trong buồng kin đưa ra một câu dọa : « Tôi mách thầy cho cậu nhé ! » (nguyên ông thầy không có con trai chỉ sinh, được một cô con gái thông minh dĩnh ngộ khác thường, cấm cung ở trong buồng ấy).

Khi nghe tiếng dọa biết là con gái thầy thì cả sợ bèn kêu van xá lỗi cho, đừng mách thầy.

Cô con gái thầy nói : « Hễ đổi được câu này, tôi sẽ tha mách cho ».

Cậu học trò xin vâng, và nói cô cứ ra.

Cô con gái thầy bèn đọc rằng :

« Hà tại hủ trung bị hoàng bào cúc cung như dã (1) ».

Cậu học trò nghĩ không có câu gì tức cảnh mà đổi được bèn khất đem đóm lên cho thầy đã. Khi đem đóm lên, thầy lại sai ra bể cạn lấy nước viết, cậu ta thấy dưới đáy bể có một con ếch nằm thì thốt sinh văn tứ liền vào gọi cô con gái mà nói rằng : « Bây giờ tôi xin đổi với cậu cô ra lúc nãy :

« Oa tàng tĩnh để quải thanh y mỹ mục miện hề (2) ».

Cô con gái chạy ra, quên cả mình là cấm cung, khen lấy khen để câu đối hay, vỗ tay cười ầm lên làm kinh động đến tai thầy, thầy bèn gọi vào quở ; cô con gái kể sự tình ; thầy nghe con nói, biết học trò có tài và khẩu khí to tát như thế đáng bậc Bảng nhãn không sai, bèn gả con gái cho và từ đấy hết lòng dạy bảo. Sau này cậu quả nhiên thi đậu đến Bảng-nhãn.

HOÀNG-VĂN-TRỌNG Phú-Nghĩa

1) Nghĩa là : tôm ở trong nồi mặc áo vàng, cúi cong mình xuống.

2) Ếch ẩn dưới đáy giếng, khoác áo xanh liếc con mắt đẹp trông.



- Vì là sách gây -
nổi giống và hạnh
phúc cho gia đình

Sách mới in lại lần thứ 2
dày gần 100 trang

Giá bán : 0\$25

Cước recommandé 0\$13

cước thường 0\$03

MUA MỘT QUYỀN CỔ THẺ GỬI
BẰNG TEM (CỎ) CHO :

ĐÔNG - TÂY ẤN - QUÁN

193, phố hàng Bông - Hanoi

Ai muốn cho ai tình của vợ chồng được bền lâu, con cái thông minh thân thể khỏe mạnh v... v.. thì nên mua ngay sách Nam nữ tu tri này kéo lại hết thì hoài.

Ai muốn tập Kiều ?

Ai muốn xem chuyện Kiều ? hãy mua quyền

Kiều Vận Tập Thành

của Phó - Bảng NGUYỄN - CỬ soạn

Sách có hai phần : trên là bản Kiều Vận Tập Thành,
dưới là toàn chuyện Kim Vân Kiều.

Dày 138 trang — Giá trước là 0\$50 nay chỉ bán 0\$30 —
Gửi bằng timbres postes cũng được (thêm 0\$09 tiền cước)
cho Đông - Tây Ấn Quán, 193, phố hàng Bông — Hanoi.

MỘT QUYỀN SÁCH NHÀ NÀO CŨNG CẦN PHẢI CÓ

家禮簡要

GIA LỄ GIẢN YẾU

Cử - nhân DƯƠNG - BÁ - TRẠC soạn

Có cả « Các bài văn khấn » và « Khoản thức biên gia-phả »
Lại có in sẵn nhiều trang để người nào có quyền này
chỉ việc điền gia - phả của nhà mình vào

RẤT TIỆN LỢI ! RẤT RẺ !

vì dày gần 60 trang mà bán có 0,15 thôi.

Mua 1 quyền gửi bằng timbres postes cũng được :

Đề cho : Đông-Tây ấn-quán 193, Phố hàng Bông — Hanoi

Kính thuốc



Nhà **TINH - KÝ,**

84 - 86, Phố Đầu Cầu
(Avenue Paul Doumer)

HAIPHONG

Chuyên buôn các thứ
kính thuốc cận thị,
viễn thị và dưỡng
mục. Nhiều kiểu gọng
rất đẹp. Có thợ khoan
và mài mắt kính.

Bán buôn và bán lẻ
giá rất hạ

hotel

TAM-KÝ

KHÁCH LẦU

Nº 7 à 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 à 171 & 178 à 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ - MÁT MẺ VÀ SẠCH SẼ



Chủ nhơn : HUỲNH-HUỆ-KÝ

Imprimerie Đông-Tây, Hanoi

Le Gérant : Dương-Tự-Quán